

Những Khám Phá Lịch Sử Việt của Tiến Sĩ Lê Mạnh Thát

Nam Phong tổng hợp



Tiến Sĩ Lê Mạnh Thát
(ảnh chuaphuclam.vn)

Mục Lục

Thiền sư Lê Mạnh Thát và những phát hiện lịch sử chấn động – Hoàng Hải Vân ...	2
Trao đổi quanh loạt bài “Thiền sư Lê Mạnh Thát....” - Trương Thái Du	13
Hãy trân trọng những phát hiện mới về lịch sử dù nhỏ nhất - Hà Văn Thịnh	17
Làm gì trước những phát hiện mới về lịch sử? - Nguyễn Đắc Xuân	19
Sẽ tổ chức tranh luận khoa học... - Trần Lưu	20
Tôi sẽ cung cấp thêm tài liệu về địa lý cổ - TS Hoàng Ngọc Kỳ	21
Phản Biện - Trần Chính Đức	22
GS Phan Huy Lê phản đề “ Những phát hiện lịch sử chấn động...”	23

Thiền sư Lê Mạnh Thát và những phát hiện lịch sử chấn động



Thiền sư Lê Mạnh Thát - Ảnh: Ngọc Hải

Với những khám phá của ông, chúng ta có đủ tư liệu để dựng lại lịch sử vẻ vang của dân tộc ta từ hai ngàn năm trước...

Là một nhà tu hành xuất gia từ bé, nhưng Thượng tọa Thích Trí Siêu (tức giáo sư tiến sĩ Lê Mạnh Thát) vẫn để tóc. Thú thật là quá tò mò về chuyện đó, tôi mạnh dạn hỏi ông vì sao như vậy. Ông cười phá lên, chỉ vào bức ảnh Đức Bồ đề Đạt Ma: "Ông ấy có cạo đầu đâu! Tôi còn thua ông ấy một bộ râu". Tôi ngộ ra rất nhiều điều trong tiếng cười của ông.

Tôi đã gặp ông nhiều lần, trước hết là để viết bài về Đại lễ Phật đản Liên Hiệp Quốc (VESAK) được tổ chức tại Việt Nam sắp tới mà ông là Chủ tịch Ủy ban quốc tế (IOC) đồng thời là Tổng thư ký Ủy ban điều phối quốc gia Đại lễ này. Tôi cũng đã đọc nhiều sách ông viết. Nhưng với trình độ nông cạn của tôi, hiểu về con người cùng sở học mệnh mông vi diệu của vị cao tăng này thật không dễ chút nào.

Ông không chỉ là một thiền sư, là nhà khoa học có nhiều bằng tiến sĩ, thông thạo hơn 15 ngôn ngữ (Anh, Pháp, Nga, Đức, Nhật, Trung Quốc, Ấn Độ, Do Thái, Hy Lạp, Ả Rập, Tây Tạng, chữ Phạn, chữ Hán cổ...), ông còn là một người Việt Nam "nguyên chất" với tất cả lòng tự trọng tự hào về dân tộc mình, thể hiện một cách lạ lùng ngoạn mục ở tất cả các công trình khoa học của ông.

Trước khi nói về VESAK, tôi xin ghi lại một vài điều tâm đắc sau khi đọc, sau khi nghe ông nói và hỏi lại thật rõ những khám phá của ông về cội nguồn dân tộc, về nhiều sự thật của lịch sử nước nhà hàng ngàn năm bị che lấp hoặc bị hiểu sai lệch.

"Ông Lê Quý Đôn mà cũng lôi thôi quá !"

Xin chép ở đây hai bài thơ chữ Hán, theo tôi bài nào cũng hay đến "lạnh cả người":

Nhị bát giai nhân thích tú tri

Tử kinh hoa hạ chuyển hoàng ly

Khả liên vô hạn thương xuân ý

Tận tại đình châm bát ngữ thi

(Tạm dịch nghĩa: *Người đẹp mười sáu tuổi nhẹ tay thêu trên gấm*

Dưới khóm hoa tử kinh con chim hoàng ly đang chuyển

Thật đáng thương nỗi lòng vô hạn đối với mùa xuân

Ngưng đọng nơi mũi kim, lặng lẽ không nói)

Đó là bài *Xuân nhật tức sự*, được Lê Quý Đôn chép trong Kiến văn tiểu lục và ghi là của thiền sư Huyền Quang thời nhà Trần (1254-1334). Từ đó nhiều thế hệ học giả đã dẫn giải, bình luận, coi là một kiệt tác thi ca chữ Hán của Việt Nam. Trên tạp chí Văn học số 1-1984, lần đầu tiên giáo sư Lê Mạnh Thát đã đưa ra tài liệu chứng minh bài thơ trên không phải của thiền sư Huyền Quang mà của thiền sư Áo Đường Trung Nhân (?-1203) thời nhà Tống bên Trung Quốc.

Một bài khác:

Nhạn quá trường không

Ảnh trầm hàn thủy

Nhạn vô di tích chi ý

Thủy vô lưu ảnh chi tâm

(Tạm dịch nghĩa: *Chim nhạn bay dài qua không trung*

Ảnh chìm dưới dòng sông lạnh

Nhạn không có ý để lại dấu tích

Sông không có lòng lưu lại bóng hình)

Bài thơ này cũng được Lê Quý Đôn chép trong *Kiến văn tiểu lục*, ghi là của Hương Hải thiền sư thời nhà Lê. Nhưng trong công trình nghiên cứu rất công phu về thiền sư Hương Hải (Toàn tập Minh Châu Hương Hải), giáo sư Lê Mạnh Thát cũng đã "trả" bài thơ này lại cho tác giả thật của nó là thiền sư Thiên Y Nghĩa Hoài bên Trung Quốc thời Tống. Nhưng không chỉ có vậy. Giáo sư Thát còn liệt kê trong số 59 bài thơ được coi là của thiền sư Hương Hải do học trò của thiền sư chép trong *Hương Hải thiền sư ngữ lục*, có đến 47 bài không phải của thiền sư. Từ đó, Lê Quý Đôn đã chép lại 43 bài trong *Kiến văn tiểu lục*, cả 43 bài đều của các thiền sư Trung Quốc. Ông đã chỉ rõ từng bài, là của ai, ở trong tài liệu nào, tờ số mấy. "Ông Lê Quý Đôn mà cũng lôi thôi quá!", ông cười cười nói với tôi. Là ông nói đùa thôi, chứ ông biết rõ Lê Quý Đôn là người rất cẩn trọng. Ông bảo sở dĩ có sai sót này là do Lê Quý Đôn chắc chắn không biết, tức không có dịp đọc các bộ chính sử thiền tông Trung Quốc. "*Hơn nữa, Lê Quý Đôn, với tư cách là một Phật tử, có thể đã quá tin tưởng vào bản in Hương Hải thiền sư ngữ lục, nghĩ rằng các thơ kệ và ngữ lục trong đó là đúng của Minh Châu Hương Hải, vì chúng đã được môn đồ của vị thiền sư này cho khắc in, nên đã không tiến hành kiểm tra, tìm hiểu và so sánh*", ông viết.

Toàn tập Minh Châu Hương Hải là một trong rất nhiều công trình sử học của giáo sư Lê Mạnh Thát. Trong khi sưu tầm, đối chiếu, xác minh và giới thiệu những cống hiến quan trọng về lịch sử tư tưởng, văn học và Phật giáo Việt Nam của vị thiền sư lỗi lạc này, ông đồng thời đã cẩn trọng "trả lại cho người khác" những gì không phải của thiền sư, dù đó là những viên ngọc quý (như bài thơ nói trên). Đối với những nhân vật khác, ông cũng làm tương tự. Ông bảo những nhầm lẫn trong các công trình sử học kiểu đó không những không làm vinh dự thêm cho dân tộc mà còn rất tai hại, nó khiến cho người ta nghi ngờ chính những cống hiến quan trọng của các nhân vật lịch sử nước ta, đặc biệt khi các bậc thức giả nước ngoài tiếp cận những tài liệu này.

Dẫn ra chi tiết nhỏ trên đây để thấy sự nghiêm cẩn trong nghiên cứu của giáo sư Lê Mạnh Thát. Nhưng ngoài sự nghiêm cẩn, ông còn có một lợi thế tự nhiên khó có học giả nào có được. Là một thiền sư, ông đã đọc hết những bộ kinh sách đồ sộ như *Đại tạng kinh* và *Tục tạng kinh chữ Hán*, ông đọc trước hết là "để thưởng thức". Chính vì vậy mà chẳng hạn như đối với trường hợp hai bài thơ nói trên, ông đã biết đến khi đọc bộ sử thiền tông Trung Quốc (trong *Tục tạng kinh*), nên khi nghiên cứu về Huyền Quang và Hương Hải ông đã phát hiện ngay sự nhầm lẫn.

Lịch sử dân tộc bảo tồn trong kinh Phật

Lục độ tập kinh là một tập kinh quan trọng trong *Đại tạng kinh* của Phật giáo thế giới. Tập kinh này được dịch ra chữ Hán vào thế kỷ thứ 2, truyền bản của nó đến ngày nay gồm 8 quyển, 91 truyện, trình bày sáu hạnh vượt bờ của Bồ tát gồm bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ. Các vị cao tăng đông tây kim cổ đều biết đến tập kinh này và từ lâu nó đã được dịch ra tiếng Pháp và tiếng Nhật.

Lần đầu tiên sau gần hai ngàn năm lưu truyền của *Lục Độ tập kinh*, giáo sư Lê Mạnh Thát có những phát hiện cực kỳ quan trọng từ tập kinh này. Ông khẳng định tập kinh đó là của Việt Nam, nó được dịch ra chữ Hán từ một bản tiếng Việt chứ không phải từ bản tiếng Phạn; Tăng Khương Hội, người dịch bản kinh đó, người mà sử sách cổ Trung Quốc coi là "bậc thánh hiền", là một người Việt Nam (ít nhất là sinh ra, lớn lên, học hành, theo đạo Phật, hành đạo và trước tác đều tại Việt Nam).

Bằng kiến thức uyên bác về lịch sử, văn hóa và ngôn ngữ, ông đã truy tận gốc tất cả những tài liệu cổ xưa nhất có liên quan, tiến hành khảo sát, đối chiếu, giám định và đưa ra một loạt những kết luận với các chứng cứ không thể phản bác. Ông bảo tập kinh đó chứa đựng "một lượng bất bình thường" các tư tưởng, quan điểm và đạo lý mang sắc thái chính trị và lịch sử Việt Nam.

Phát hiện đầu tiên là *Lục độ tập kinh* chứa đựng truyền thuyết khởi nguồn của dân tộc, đó là chuyện một trăm trứng. Điều này hết sức có ý nghĩa, là vì truyền thuyết đó được ghi vào sử sách bắt đầu từ bộ *Đại Việt sử ký toàn thư* của Ngô Sĩ Liên. Truy lùi lại thì thấy chuyện này được chép trong *Lĩnh Nam chích quái*. Truy nữa thì "bó tay", không biết nó xuất phát từ đâu, chỉ thấy nó liên quan tới truyện Liễu Nghi đời... Đường bên Trung Quốc. Từ trước tới nay mọi bàn cãi đều tập trung vào việc chấp nhận hay không truyền thuyết đó, mà chấp nhận hay phủ nhận nó không phải là vấn đề của lịch sử. Dân tộc nào cũng có truyền thuyết khởi nguyên, mà đã là truyền thuyết thì ít nhiều đều mang yếu tố hoang đường, nhưng đó là hồn thiêng dân tộc. Với *Lục độ tập kinh*, chúng ta đã truy ra thời điểm khởi nguồn của hồn thiêng dân tộc của mình.

Trong khi phát hiện truyền thuyết trăm trứng nằm trong *Lục Độ tập kinh*, giáo sư Lê Mạnh Thát còn khám phá một sự thật lịch sử thú vị liên quan đến An Dương Vương và Triệu Đà. Từ truyền thuyết trăm trứng nằm trong truyện 23 của *Lục Độ tập kinh*, ông đối chiếu với một dị bản bằng tiếng Phạn và lại phát hiện truyền thuyết An Dương Vương giống như câu chuyện về trận đánh quyết định trong anh hùng ca Mahàbhārata giữa hai anh em Pandu và Duryodhana. Đối chiếu với tất cả những gì được ghi trong *Sử Ký* của Tư Mã Thiên và các tài liệu cổ sử khác của Trung Quốc, ông khẳng định truyền thuyết An Dương Vương đánh bại vua Hùng Vương thứ 18 rồi lập nên một triều đại (dưới ngòi bút của Ngô Sĩ Liên trong *Đại Việt sử ký toàn thư*) là không có thật, nó chẳng qua chỉ là một phiên bản của câu chuyện Mahàbhārata từ Ấn Độ truyền vào Việt Nam thời Hùng Vương mà thôi. Ông cũng tiếp tục đối chiếu sử sách và khẳng định không những không có chuyện Triệu Đà đánh An Dương Vương (vì làm gì có An Dương Vương mà đánh!) mà nước ta cũng không bao giờ bị Triệu Đà chiếm. Nước Nam Việt của Triệu Đà chưa bao giờ bao hàm nước ta trong đó cả. Có nghĩa là, cho đến năm 43 (sau dương lịch), trước khi cuộc chiến tranh vệ quốc của Hai Bà Trưng thất bại, nước ta vẫn là một nước độc lập. Đó là triều đại Hùng Vương, là nhà nước Hùng Vương. Nhà nước đó đã được xây dựng trên một nền văn hiến với điển chương riêng của nó, có luật pháp, có chữ viết, có lịch số, có âm nhạc, có văn học... Nhà nước đó, nền văn hiến đó hoàn toàn không do người Trung Quốc đến "khai hóa" mà có. Nó có đủ bản lĩnh, đủ sức mạnh để tiếp thu những gì là tinh hoa và để tự vệ trước âm mưu nô dịch của ngoại bang. Nó có đủ sự nổi trội để đóng góp vào nền văn minh chung của nhân loại mà *Lục Độ tập kinh* là một trong những dẫn chứng sống động. Với những khám phá của ông, chúng ta có đủ tài liệu để dựng lại lịch sử vẻ vang của dân tộc ta từ hai ngàn năm trước..

Không có cái gọi là thời kỳ "Bắc thuộc lần thứ nhất". Việc lập 9 quận, trong đó có Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam thuộc Hán chỉ là sự "đoạt không" đất đai nhằm thỏa mãn nỗi trạo trạo và ao ước bành trướng của nhà Hán mà thôi.

Nhà Hán "đoạt không" đất đai nước ta

- Nếu nước ta thời Hùng Vương vẫn là một nước độc lập kéo dài cho đến năm 43, nghĩa là giai đoạn "Bắc thuộc lần thứ nhất" không tồn tại? - Tôi hỏi giáo sư Lê Mạnh Thát.

- Đúng vậy. Phải loại phần đó ra khỏi lịch sử. Chúng ta có đủ chứng cứ để làm như vậy.

- Nhưng sử sách vẫn còn ghi: năm 214 trước công nguyên, Tần Thủy Hoàng đem quân đánh lấy đất Bách Việt, sau đó chia làm ba quận: Nam Hải, Quế Lâm và Tượng Quận mà Tượng Quận là nước ta?

- Nam Hải, Quế Lâm ngày nay nằm trong hai tỉnh Quảng Đông và Quý Châu Trung Quốc thì đã rõ rồi, nhưng Tượng Quận thì không phải. Một số tài liệu Trung Quốc có chép một cách lằng lặc rằng nó là Nhật Nam (nước ta) sau này, nhưng đối chiếu với những tài liệu tin cậy cũng của chính Trung Quốc, từ rất sớm người ta đã biết Tượng Quận nằm giữa hai quận Uất Lâm và Tường Kha của Trung Quốc chứ không phải nước ta.

- Sử Trung Quốc cũng ghi rõ, năm 111 trước công nguyên, Hán Vũ đế đã chiếm nước Nam Việt của Triệu Đà và đặt 9 quận: Nam Hải, Thương Ngô, Uất Lâm, Hợp Phố, Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, Châu Nhai và Đàm Nhĩ thuộc Hán. Nếu cho đến năm 43 nước ta vẫn độc lập thì giải thích làm sao việc nước ta gồm ba quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam nằm trong đất nhà Hán trước đó?

- Đối chiếu với chính sử Trung Quốc ta đã thấy Triệu Đà chưa bao giờ chiếm Tây Âu lạc cả và Hán Vũ đế cũng chỉ chiếm Nam Việt của Triệu Đà. Rõ ràng là họ đã gom Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam vào đất Hán một cách vô căn cứ. Việc này không có gì lạ, sử Trung Quốc còn chép rằng năm 202 (trước CN) Hán Cao tổ Lưu Bang, ông cố của Hán Vũ đế lấy các đất Tượng Quận, Quế Lâm, Nam Hải của Triệu Đà phong cho Ngô Nhuế, nhưng ba nơi đó là của Triệu Đà. "Đà chưa hàng, xa đoạt khổng, lấy phong cho Nhuế vậy". Đất chưa lấy được mà "đoạt khổng" làm đất của mình, chuyện đó là bình thường, không chỉ Lưu Bang mà trở thành thói quen cho các triều đại về sau này nữa... Bởi vậy việc "đoạt khổng" ba quận Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam của ta không có gì lạ. Việc "đoạt khổng" này có ba chứng cứ: Thứ nhất, Tiền Hán thư ghi rõ rằng Thứ sử Giao Chỉ "đóng ở Thương Ngô", nghĩa là quân Hán chưa bao giờ đặt chân tới Giao Chỉ. Thứ hai, sử liệu Trung Quốc cũng cho thấy, việc đưa những người phạm tội đi đày thời đó chỉ đưa tới Hợp Phố chứ không hề thấy đưa đi xa hơn, tuy chưa phải là chứng cứ quyết định, nhưng cũng biểu thị rằng biên cương cực nam của nhà Hán chưa qua khỏi Hợp Phố, là vùng giáp giới với nước ta. Chứng cứ thứ ba là việc sử liệu Trung Quốc ghi "Phiên Ngung là một đô hội", đây là chi tiết khá khác thường, bởi Tiền Hán thư đưa ra con số thống kê nhân khẩu cho thấy quận Nam Hải có 6 huyện chỉ vỏn vẹn có 94.253 dân, bình quân mỗi huyện, trong đó có Phiên Ngung, có trên dưới 15 ngàn dân, trong khi số dân Giao Chỉ 10 huyện số dân lên tới 764.237 người, bình quân mỗi huyện trên 75 ngàn dân, gần bằng số dân của cả Nam Hải. Đó là chưa kể Cửu Chân và Nhật Nam, dân số cộng lại cũng có trên 200.000 người. Thế mà lại nói "Phiên Ngung là một đô hội". Điều không hợp lý này chỉ có thể được giải thích là 3 quận Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam trong thực tế không thuộc đất Hán. Có thể hỏi tại sao ba quận này không phải của nhà Hán mà nhà Hán lại có số liệu về "hộ khẩu", câu trả lời cũng thật đơn giản: Đọc trong Tiền Hán thư, ta có thể bắt gặp một loạt tên các quốc gia độc lập ở

Trung Á, chưa bao giờ "thuộc Hán", nhưng vẫn có sổ liệu hộ khẩu như thường. Cho nên, nhà Hán có sổ liệu về hộ khẩu không nhất thiết nó thuộc nhà Hán.

Dù là Âu Lạc, Tây Âu, Tây Âu Lạc, Tây Vu, Việt Thường Thị hay Giao Chỉ - Cửu Chân - Nhật Nam, cũng đều là những tên gọi khác nhau của nước ta. Cần biết, các triều đại phong kiến Trung Quốc không bao giờ muốn nước ta độc lập cả, ngay cả khi nước ta có quốc hiệu đàng hoàng như Vạn Xuân (Lý Nam Đế), Đại Cồ Việt (Đinh Tiên Hoàng) hay Đại Việt (Lý-Trần), sử sách Trung Quốc vẫn tiếp tục dùng những cái tên *Giao Chỉ, An Nam* để gọi một cách tùy tiện. Việc "đoạt khổng" đất đai, theo giáo sư Lê Mạnh Thát, là "nhằm thỏa mãn nỗi trạo và ao ước bành trướng" của họ.

Trao đổi với chúng tôi, giáo sư Lê Mạnh Thát cho rằng chỉ riêng văn minh trồng đồng thời mà chúng ta đã có chứng cứ rành rành. Với một nền khoa học kỹ thuật phát triển rất cao thời đó như vậy, một nền kỹ thuật không ai có thể chối cãi, thì không có lý gì mà chúng ta lại không có một nền văn hóa - giáo dục tương ứng.

Nền văn hóa đó vẫn được bảo tồn. Trung Quốc có Thi Thơ Lễ Nhạc. "*Nếu nói Thi chúng ta có cùng chùm truyện trong Lục độ tập kinh, Cựu tạp thí dụ kinh và bài Việt ca. Nếu nói Thơ chúng ta có truyền thuyết trăm trứng. Nếu nói Lễ chúng ta có bộ Việt luật. Nếu nói Nhạc ta không chỉ có bài Việt ca mà còn có trống đồng...*". Nói thêm về văn học, ông cho rằng "nền văn học thành văn của dân tộc ta không phải bắt đầu từ Trần Nhân Tông và Nguyễn Trãi, hay Khuông Việt và Từ Đạo Hạnh... mà nó đã bắt đầu từ thời Hùng Vương mà bằng chứng còn lại là bài Việt ca, cụm chuyện thần thoại và cổ tích đầu tiên tìm thấy trong *Lục độ tập kinh*. Phân tích trong *Lục độ tập kinh*, giáo sư Lê Mạnh Thát chỉ ra 5 truyện trong tập kinh này tương đương với 5 truyện cổ tích do Nguyễn Đổng Chi tập hợp trong Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam, như vậy "chúng ta không còn bàn cãi một cách tùy tiện không có cơ sở về nền văn học "dân gian" chung chung phi thời gian, phi lịch sử".

Như vậy là từ thời Hùng Vương chúng ta đã có một nền văn hóa riêng, tạo nên bản lĩnh dân tộc. Đó là nền tảng cho những cuộc đấu tranh trường kỳ, khốc liệt bảo vệ đất nước, bảo vệ nòi giống. Dân tộc ta không những không bị đồng hóa, mà nền văn hóa của dân tộc ta còn được du nhập vào văn hóa Trung Quốc mà *Lục độ tập kinh* - không chỉ là kinh Phật mà còn là tác phẩm của "bậc thánh hiền" như chính người Trung Quốc gọi - là một trong những ví dụ.

Nhưng không chỉ có vậy. Theo giáo sư Lê Mạnh Thát, từ sau khi Mã Viện đánh bại Hai Bà Trưng cho đến khi Chu Phù, Sỹ Nhiếp cai trị nước ta, lịch sử cũng có nhiều vấn đề cần đặt lại. Và trong thời gian này xuất hiện một nhân vật lớn là Mâu Tử, một người Việt Nam, với tác phẩm nổi tiếng *Lý hoặc Luận* được lưu truyền trong nền văn hóa điển chương Trung Quốc, một bằng chứng hùng hồn về sự nổi trội của văn hóa Việt Nam...

"Giả như người nước ta không ghi lại những sự việc của Lê Hoàn (hoàng đế Đại Hành) và chúng ta phải nghiên cứu qua tư liệu của người Trung Quốc, thì một đoán án đương nhiên phải xảy ra, đó là Lê Hoàn không xưng đế xưng vương hay đặt quốc hiệu lập xã tắc gì hết, ngược lại chỉ là một tiết độ sứ, một quan chức của nhà Tống" (*thiền sử Lê Mạnh Thát*).

Sỹ Nhiếp là ai?

Có thể có ai đó trong giới sử học "ý kiến ra ý kiến vào" về những phát hiện của giáo sư Lê Mạnh Thát mà chúng tôi đang giới thiệu một phần hết sức tóm lược. Mong rằng những người quan tâm có thể tìm đọc các công trình của ông để trao đổi học thuật. Chúng tôi xin lưu ý, những gì mà chúng tôi giới thiệu ở đây, giáo sư Lê Mạnh Thát đã công bố từ cách đây trên dưới 40 năm, nay được in lại trong hai bộ *Tổng tập văn học Phật giáo Việt Nam* (tập 1) và *Lịch sử Phật giáo Việt Nam* (tập 1), đều do NXB Tổng hợp TP.HCM phát hành năm 2006, ngoài sách *Lục độ tập kinh và lịch sử khởi nguyên của dân tộc ta* mà chúng tôi đã dẫn. Trong những công trình này, mỗi một vấn đề đưa ra ông đều dẫn kèm theo tất cả các tài liệu có liên quan bằng những ngôn ngữ gốc. Những tài liệu đó được ông giới thiệu cụ thể, chỉ rõ số trang, số tờ, nơi ấn hành hoặc lưu trữ, nếu ai nghi ngờ thì có thể tra tận gốc, bằng tiếng Việt, chữ Hán cổ và chữ Trung Quốc hiện nay, cùng tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nhật, chữ Phạn cổ...

Ông dẫn việc nhà Tống với Lê Hoàn như trên để nói rằng những sử liệu từ Trung Quốc là "không hoàn toàn đáng tin cậy", ví dụ như chính sử Trung Quốc ghi nhiều thứ sử Giao Châu (nước ta) nhưng thực tế những người đó chỉ được "phong khống" chứ chưa bao giờ bước chân qua nước ta. Việc nghiên cứu lịch sử nước nhà phải sử dụng tất cả những tài liệu của tổ tiên ta để lại, rồi đối chiếu với chính sử Trung Quốc để thẩm định, xác minh tìm ra sự thật. Cho nên, mỗi một cuộc truy tìm, mỗi một phát hiện được tài liệu của tổ tiên đều khiến cho lịch sử nước nhà trở nên sáng rõ.

Ông bảo nói "một ngàn năm đô hộ giặc Tàu" như lời bài hát của Trịnh Công Sơn là cách nói đau buồn mà không chính xác. Cuộc đấu tranh của dân tộc ta từ sau khi cuộc kháng chiến của Hai Bà Trưng thất bại chưa bao giờ ngưng nghỉ. Bởi chưa đầy 60 năm sau, cuộc khởi nghĩa Trưng Lâm lần thứ nhất đã nổ ra vào năm 100, dẫn tới việc người anh hùng Khu Liên lập khu tự do vào năm 138, làm hậu phương cho các cuộc khởi nghĩa về sau, cho đến thời Chu Phù, Sỹ Nhiếp. Thực chất trong hơn 150 năm bị các thái thú Trung Quốc đến đô hộ, chúng ta "mất nước chứ không mất hạnh", nghĩa là dân tộc vẫn còn, nền văn hóa dân tộc được xây dựng từ thời Hùng Vương vẫn được bảo tồn và phát triển. Sự quật cường của dân tộc chính người Trung Quốc cũng phải thừa nhận: "*Trường lại đặt ra, tuy có cũng như không*".

Có một nhân vật lạ lùng trong lịch sử nước ta, đó là Sỹ Nhiếp. Cả sử Trung Quốc và sử ta đều nói ông là thái thú Giao Chỉ (sau đổi thành Giao Châu). Tuy là một "thái thú" đến cai trị, nhưng các sử gia Việt Nam đều dành những lời lẽ mến mộ khi nói về Sỹ Nhiếp. Lê Văn Hưu viết: "*Sỹ Vương biết lấy khoan hậu khiêm tốn để kính trọng kẻ sĩ, được người thân yêu mà đạt đến thịnh một thời*". Ngô Sỹ Liên cũng vậy. Trần Trọng Kim thì viết: "*Sỹ Nhiếp trị dân có phép tắc, và lại chăm sự dạy bảo dân cho*

nên lòng người cảm mộ công đức, mới gọi tên là Sỹ Vương". Khi nhân dân gọi Sỹ Nhiếp là "Sỹ Vương", tức là vua của mình, còn có lý do nào nữa không?

Phần trước chúng tôi có nêu sự "nổi giận" của giáo sư Lê Mạnh Thát khi trích lời Ngô Sỹ Liên *"Nước ta hiểu thi thơ, tập Lễ Nhạc thành ra nước văn hiến, bắt đầu từ Sỹ Vương"*, cần nói rõ là ông bất bình với việc cho rằng nước ta hiểu thi thơ, tập Lễ Nhạc mới thành ra nước văn hiến, chứ hoàn toàn không xem thường Sỹ Nhiếp. Cũng như Trần Trọng Kim viết: *"Nhà làm sử thường cho nước ta có văn học là khởi đầu từ Sỹ Nhiếp. Cái ý kiến ấy có lẽ không phải"* (Việt Nam sử lược).

Đưa ra nhiều tài liệu dẫn chứng, giáo sư Lê Mạnh Thát cho rằng, trong thực tế chính quyền Sỹ Nhiếp (từ 187), cũng như trước đó là Chu Phù (khoảng 180), là "chính quyền Việt Nam độc lập". Sử Trung Quốc chép rõ Chu Phù *"vứt điển huấn tiền thánh, bỏ pháp luật Hán gia"*. Còn đối với Sỹ Nhiếp, sử Trung Quốc (Ngô chí) viết rằng: *"(Sỹ Nhiếp) tổ tiên vốn người Mán Dương nước Lỗ, đến loạn Vương Mãng ty nạn Giao Châu, tới Nhiếp là sáu đời".* Ông cho rằng một người có tổ tiên 6 đời ở Việt Nam thì đã "Việt Nam hóa", trở thành người Việt Nam rồi. Cũng theo Ngô chí: *"Sỹ phủ quân (Sỹ Nhiếp) của Giao Chỉ học vấn đã ưu bác, lại thành công về chính trị, ở trong đại loạn, bảo toàn một quận hơn 20 năm, cương trường vô sự, dân không thất nghiệp, những bọn lệ thuộc đều được nhờ ân"; "Anh em Nhiếp đều là người hùng các quận, làm tướng một châu, riêng ở vạn lý, uy tôn vô thượng. Ra vào đánh chuông khánh, đầy đủ uy nghi, kèn sáo cổ xuy, xe ngựa đầy đường. Người Hồ theo sát đốt hương, thường có mấy mươi. Thê thiếp đi xe màn, tử đệ theo lính kỵ. Đương thời quý trọng, chấn phục trăm mọi. Ủy Đà cũng không đủ hơn".* Từ tài liệu trên, theo giáo sư Lê Mạnh Thát: "Sỹ Nhiếp đầu được đào tạo trong khuôn mẫu Trung Quốc, đã có những hành vi xa lạ với phong tục tập quán Trung Quốc. Nói rõ ra, ông đã được Việt hóa. Việc Ngô chí so sánh Sỹ Nhiếp với Triệu Đà cho thấy nền cai trị nước ta thời bấy giờ độc lập tới mức nào. Thực tế có thể nói chính quyền độc lập đầu tiên sau chính quyền Hai Bà Trưng là chính quyền Chu Phù - Sỹ Nhiếp". Theo ông, dưới thời Sỹ Nhiếp, nước ta đã có một nền nông nghiệp rất phát triển. *"Lúa Giao Chỉ mùa hè chín, nông dân một năm trồng hai lần"* (theo Kinh Dương vĩ nam dị vật chí). *"Một năm tám lúa kén tầm đến từ Nhật Nam"* (Văn tuyển 5 tờ 9b4). *"Nhiếp mỗi khi sai sứ đến Quyền đều dâng tạp hương, vải mỏng thường tới số ngàn. Món quý mình châu, sò lớn, lưu ly, lông thú, đổi mỗi, sừng tê, ngà voi, các thứ vật lạ quá kỳ như chuối, dưa, long nhãn, không năm nào không đưa đến"* (Ngô chí 4 tờ 8b1-3 nói về những cống vật mà Sỹ Nhiếp gửi đến Tôn Quyền).

Giáo sư Lê Mạnh Thát dẫn giải tiếp: Sau khi Sỹ Nhiếp chết (226), lúc ấy Tôn Quyền đã chiếm cứ phía Nam Trung Quốc để tranh hùng với Tào Tháo và Lưu Bị, nên nhân cái chết của Sỹ Nhiếp tiến hành thôn tính nước ta, lúc đó "là một nước độc lập dựa trên điển huấn và pháp luật của người Việt". Con Sỹ Nhiếp là Sỹ Huy nối nghiệp cha, chống lại Tôn Quyền, tuy nhiên do mất cảnh giác, nên đã thất bại, Sỹ Huy bị bắt và bị giết, Tôn Quyền chiếm nước ta. Nhưng do bị chống đối quyết liệt, nền cai trị của Tôn Quyền không bền vững và không lâu dài, vì chỉ 18 năm sau, Triệu Thị Trinh (Bà Triệu) cùng anh là Triệu Quốc Đạt nổi lên khởi nghĩa giành lại chính quyền.

Về sự kiện Bà Triệu khởi nghĩa, giáo sư Lê Mạnh Thát cho rằng đây là cuộc "khởi nghĩa thành công". Ông viết: "Tôn Quyền sai Lục Dận làm An nam hiệu úy và thương thảo với quân khởi nghĩa bằng ấn tín và tiền của. Đây là lối đánh dẹp khá lạ kỳ, hiếm thấy trong lịch sử Trung Quốc đối với nước ta. Và cuối cùng Lục Dận cũng

có thể báo cáo là đã "*đẹp yên được giặc Giao Chỉ*" và được phong làm thứ sử Giao Châu. Nhưng *châu trị* của Giao Châu lần này không phải ở nước ta, mà phải ở Quảng Châu, vì nó ngó ra biển (*lâm hải*), như bài biểu của Hoa Thạch trong *Ngô chí* tờ 10b3 đã ghi nhận. Nói cách khác, nước ta từ năm 248 tiếp tục là một nước độc lập và Bà Triệu tiếp tục đứng đầu đất nước, cho đến khi Tôn Hựu sai Đặng Tuân (*Ngụy chí* 4 tờ 27a3 viết là Đặng Cú) đến Giao Chỉ vào năm 257, ra lệnh cho thái thú Giao Chỉ bắt dân đưa lên Kiến Nghiệp làm lính. Và như *Thiên Nam ngữ lục* đã ghi nhận là Bà Triệu đã bị tử trận trong một cuộc chiến đấu với chính Đặng Tuân sau khi đã tiêu diệt Lục Dận (...). Những mô tả này (*trong Thiên Nam ngữ lục*) hoàn toàn phù hợp với tư liệu của *Ngụy chí* 4 tờ 27a2-27b5, đặc biệt là tờ chiếu năm Hàm Hi thứ nhất (264) của Tào Hoán..." (*Lịch sử Phật giáo Việt Nam tập 1, trang 385-386*)...

Mỗi một di sản của tổ tiên đều phải được truy tìm, cũng như mỗi một tác đất của tổ tiên đều phải được gìn giữ.

Một minh chứng văn hóa

Những phát hiện nói trên của giáo sư Lê Mạnh Thát cho phép dựng lại lịch sử dân tộc trong thời kỳ nước nhà không có sử liệu, sử sách được viết chủ yếu căn cứ theo các tài liệu của Trung Quốc. Việc khẳng định chủ quyền của dân tộc thời trước Hai Bà Trưng, thời Sỹ Nhiếp và sau đó nữa là có cơ sở. Những phát hiện về văn hóa, bắt đầu từ Khương Tăng Hội với *Lục độ tập kinh* và Mâu Tử với *Lý hoặc Luận*, đặc biệt là sự kiện 6 lá thư đề cập dưới đây càng minh chứng cho điều đó.

Lý hoặc Luận của Mâu Tử là một tác phẩm nổi tiếng, được viết vào cuối thế kỷ thứ II (198) và được lưu hành tại Trung Quốc bắt đầu từ thế kỷ thứ V, có ảnh hưởng lớn ở Trung Quốc và Nhật Bản. Đến nửa đầu thế kỷ XX, một loạt những nghiên cứu của các học giả Trung Quốc, Nhật Bản và Pháp được công bố về tác phẩm này, gây nên một cuộc tranh biện sôi nổi và hào hứng, bắt đầu từ công trình của Lương Khải Siêu, tiếp đó là của H.Maspéro, Tokiwa Daijo, P.Pelliot, Chu Thúc Ca, Hồ Thích, Matsumoto Bunzaro, Dư Gia Tích và Fukui Kojun (*dẫn theo Lịch sử Phật giáo Việt Nam, tập 1*). Ở Việt Nam, nó cũng được coi là cuốn sách lý luận được quan tâm từ hơn 1.000 năm trước, đặc biệt từ năm 1932 khi Trần Văn Giáp giới thiệu Mâu Tử là "người đầu tiên truyền bá đạo Phật ở Việt Nam", cuốn sách đó được sự quan tâm rộng rãi của giới học giả và nhiều người dân. Trong khi nghiên cứu *Lục độ tập kinh*, giáo sư Lê Mạnh Thát đã phát hiện những mối liên hệ thú vị và trên cơ sở một cuộc khảo sát hết sức công phu, ông đã tìm ra bằng chứng khẳng định Mâu Tử là người Việt Nam và *Lý hoặc Luận* chính là tác phẩm của Việt Nam truyền sang Trung Quốc. Công trình nghiên cứu này của ông đã được công bố một phần trước năm 1975 và công bố toàn bộ sau này (*xem Tổng tập Văn học Phật giáo Việt Nam, tập 1*).

Theo giáo sư Lê Mạnh Thát: "Trong bối cảnh văn hóa thời Mâu Tử, *Lý hoặc Luận* không phải viết để xiển dương Phật giáo, mà là một cuộc tổng kết cuộc đấu tranh về văn hóa, giữa văn hóa Việt Nam đối với văn hóa phương Bắc". Phải có một bề dày văn hóa như thế nào mới có thể có được một bản lĩnh văn hóa như vậy. Một bên thì áp đặt Thi Thư như chân lý, Trung Hoa là trung tâm, một bên Mâu Tử đáp trả "*Đất*

Hán chưa chắc là trung tâm của trời đất", "năm kinh chưa hẳn là lời của thánh hiền". Tiếp cận tác phẩm của Mâu Tử, chúng ta còn thấy dân tộc ta đã bảo tồn văn hóa của mình như thế nào, tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa của Phật giáo, Nho giáo và Lão giáo để phát triển nền văn hóa của mình như thế nào và truyền bá văn hóa của mình ra nước ngoài ra sao.

Sáu lá thư và một vị vua

Một phát hiện cực kỳ quan trọng khác của giáo sư Lê Mạnh Thát là 6 lá thư nằm trong *Đại tạng kinh* chữ Hán. Đó là 6 lá thư trao đổi giữa hai pháp sư Đạo Cao và Pháp Minh với một "sứ quân" của Giao Châu tên là Lý Miểu. Trước khi ông công bố 6 lá thư này, chưa có một tài liệu nào đề cập tới. Từ điểm gây tò mò đầu tiên trong 6 lá thư là địa danh "Giao Châu", ông đã tiến hành một cuộc truy tìm ngoạn mục. Trước hết là tìm nguồn gốc Việt Nam về mặt điển cổ lịch sử, tìm nguồn gốc Việt Nam về mặt điển cổ thư tịch, kế đó là tìm niên đại và tung tích tác giả 6 bức thư.

Khó khăn nhất là tìm ra tác giả của chúng. Ông bảo tung tích của những người mang tên Đạo Cao, Pháp Minh và Lý Miểu ngày nay chúng ta không biết một tí gì hết.

Ông "kiểm soát toàn bộ" những tư liệu lịch sử Trung Quốc và Phật giáo Trung Quốc, cũng như tư liệu lịch sử Việt Nam và Phật giáo Việt Nam, cũng không tìm thấy những người có các cái tên ấy. Ông lục tìm trong *Tán thư, Tổng thư, Nam Tề thư, Lương thư, Ngụy thư, Bắc sử, Nam sử* và *Tư trị thông giám sử cũng như Đại Việt sử lược, Đại Việt sử ký toàn thư, Việt sử tiêu án và Khâm định Việt sử thông giám cương mục* cũng không gặp một "sứ quân" (hoặc chức vụ tương đương) nào với cái tên Lý Miểu; lục tìm trong *Cao tăng truyện* và *Tục cao tăng truyện* cũng như *Thiền Uyển tập anh*, cũng không tìm thấy một pháp sư nào có tên Đạo Cao hay Pháp Minh. Chỉ duy nhất trong *Toàn Tấn văn* 157 tờ 15a12-2 có liệt ra tên một Thích Đạo Cao, nhưng kiểm tra bản mục lục của văn liệu này cũng như xuất xứ của tên ấy dẫn từ *Cao tăng truyện* 5 tờ 255b15-17 thì thấy là Thích Đạo Tung chứ không phải Đạo Cao, sự khác nhau đó là do *Toàn Tấn văn* khắc nhầm.

Ông mở rộng việc truy tìm sang các tài liệu Nhật Bản và Triều Tiên. Trong khi khảo sát toàn bộ tài liệu liên quan của Nhật, ông đọc kỹ lại *Nhật Bản quốc kiến tại thư mục lục* (là sách được Vũ Điền thiên hoàng cho viết nhằm ghi lại tất cả những bộ sách Trung Quốc còn sót lại trong Thư viện hoàng gia sau vụ cháy năm 887), tìm thấy một dữ kiện lôi cuốn. Dưới mục thứ mười mang tên *Tiểu học gia*, liệt ra một bộ sách nhan đề "*Tá âm*, một quyển, Thích Đạo Cao soạn" và dưới mục Biệt tập lại ghi "*Đạo Cao pháp sư tập*, một quyển". Vấn đề là Đạo Cao tác giả của hai cuốn sách *Tá âm* và *Đạo Cao pháp sư tập* này có phải là Đạo Cao pháp sư trong 6 lá thư hay không? Đối chiếu thì thấy hai tác phẩm này chắc chắn không phải do người Nhật biên soạn mà phải là từ Trung Quốc mang về, vì khảo sát toàn thể tài liệu Phật giáo Nhật Bản ông không thấy tăng sĩ Nhật Bản nào mang tên Đạo Cao cả. Vấn đề là họ mang về Nhật từ lúc nào. Một cuộc kiểm soát tiếp vẫn không cho biết một tí gì cả, chỉ biết chắc chắn là nó phải được mang về trước năm 887 để có thể ghi vào bản thư mục nói trên. Ông cũng kiểm soát những bản thư tịch liệt kê những tư liệu liên quan tàng trữ ở các nước Anh, Pháp, Liên Xô, cũng không tìm thấy gì hết.

Tuy nhiên, ở đây xuất hiện một vấn đề mới. Trước hết về cuốn *Tá âm*. Nó được liệt vào loại *Tiểu học gia*, mà căn cứ vào định nghĩa của *Tùy thư kinh tịch chí*, nó là loại sách ngôn ngữ. Cần nói thêm, một chú giải trong tài liệu Nhật Bản còn ghi "*Kinh tịch chí của Tùy thư có ghi Tá âm tự một quyển, nhưng không ghi họ tên người viết*". Ghi chú này đã được xác nhận từ tài liệu Trung Quốc và từ dẫn giải của các tài liệu Trung Quốc cũng như Nhật Bản, có thể coi *Tá âm tự* là một tác phẩm khác nữa của Thích Đạo Cao. Như vậy là ít nhất Thích Đạo Cao cũng có 3 tác phẩm được nhắc đến. Vấn đề đặt ra là tại sao những tác phẩm đó được Nhật Bản đem về từ Trung Quốc mà Trung Quốc lại không ghi một cách đàng hoàng trong các tài liệu chính thống của mình, mà chỉ ghi một cách sơ sài khuyết danh trong *Tùy thư*? Tiếp tục nghiên cứu và đối chiếu, ông xác định rằng sở dĩ như vậy là vì những sách đó chắc chắn không phải tiếng Trung Quốc mà là tiếng nước ngoài.

Những khảo sát như vậy dẫn đến kết luận, Đạo Cao chắc chắn không phải là người Trung Quốc, Nhật Bản hay Triều Tiên, trong khi người mang tên đó là một trong hai tác giả các bức thư trao đổi với Lý Miểu, "sứ quân" Giao Châu. Bởi vậy Đạo Cao chắc chắn là người Việt Nam. Và từ nhân vật này, ông phát hiện một chứng cứ quan trọng khác về một cột mốc phát triển ngôn ngữ dân tộc: *Tá âm* là một quyển sách ngữ học về quốc âm, còn *Tá âm tự* là một cuốn tự điển về thứ tiếng quốc âm đó. Rất tiếc là chúng đã thất lạc, nhưng chắc chắn là có những cuốn sách đó. Ông bảo trong sưu tập Stein tàng trữ tại Bảo tàng viện Anh Quốc có một thủ bản mang ký hiệu S.5731, mô tả một tài liệu giống như vậy, nhưng vì ông "chưa có trong tay" thủ bản đó nên chưa thể khẳng định.

Chúng tôi dẫn chứng dài dòng đoạn trên, tuy rất sơ lược, để bạn đọc phần nào thấy được cách làm việc cẩn trọng của giáo sư Lê Mạnh Thát. Những khảo sát như vậy đã được tiến hành và dễ dàng tìm ra tông tích Việt Nam của người thứ hai là Pháp Minh.

Đối với nhân vật Lý Miểu, nội dung 6 lá thư cho thấy Lý Miểu được gọi là "sứ quân" và lời lẽ của nhị vị pháp sư trong 6 lá thư coi ông "ở địa vị của một bậc thiên tử". Đối chiếu danh sách những chức danh tương đương với "sứ quân" như "thái thú", "thứ sử" Trung Quốc cử sang thì không thấy tên Lý Miểu. Toàn bộ sử sách Trung Quốc cũng như Việt Nam đều không có tên Lý Miểu. Với một khảo sát văn liệu tương tự cùng những phân tích chính trị, xã hội đến tận ngọn nguồn, ông kết luận Lý Miểu chính là một vị vua của Việt Nam. Một nhân vật xưng vương xưng đế trên một đất nước độc lập mà Trung Quốc không với tới thì sử sách Trung Quốc không chép là không có gì lạ. Còn việc sử ta không chép cũng là đương nhiên, vì không có sử liệu. Ông ước đoán 6 lá thư đó được viết vào những năm 435-440, nằm trong thời kỳ Nam Bắc triều (420-588) của Trung Quốc. Niên đại của Lý Miểu nằm trong khoảng 390-470, của Đạo Cao khoảng 365-455 và Pháp Minh khoảng 370-460. 6 lá thư chứa đựng những sử liệu vô cùng quý giá cho việc nghiên cứu nghệ thuật, âm nhạc, văn học, Phật giáo, chính trị và tư tưởng (*bạn đọc quan tâm vấn đề này xin đọc Lịch sử Phật giáo Việt Nam tập 1, trang 427-582*).

Xin tạm dừng loạt bài này ở đây. Thiền sư Lê Mạnh Thát đã thực hiện một loạt các công trình nghiên cứu đồ sộ về lịch sử dân tộc và lịch sử Phật giáo, về văn học, triết học... Riêng các công trình lịch sử văn học của ông được tập hợp thành *Tổng tập văn học Phật giáo* khoảng 50 tập (đã in 3 tập). Chúng tôi giới thiệu sơ lược một số trong rất nhiều phát hiện lịch sử của thiền sư với mong muốn những người quan

tâm đến lịch sử nước nhà biết đến. Đối với các cơ quan quản lý ngành lịch sử và những nhà sử học - những người đang nghiên cứu lịch sử, chúng tôi thiết nghĩ nó có lợi chứ hoàn toàn không gây thiệt hại gì cho việc nghiên cứu, vì nghiên cứu thì cần có những tài liệu mới do chính mình hoặc do người khác phát hiện ra. Các cơ quan nghiên cứu lịch sử hoặc các nhà sử học có thể xem xét, đánh giá, tranh biện, cái gì có tài liệu chứng minh là không đúng thì nói là không đúng, cái gì cần tiếp tục làm rõ thì cùng nhau tìm tòi làm rõ, nhưng cái gì thấy có cơ sở là đúng rồi thì cần thừa nhận để đưa vào dòng chính thống. Tất cả đều nhằm mục đích tìm ra sự thật để tôn vinh dân tộc chúng ta. Mỗi một di sản của tổ tiên đều phải được truy tìm, cũng như mỗi một tấc đất của tổ tiên đều phải được gìn giữ

Hoàng Hải Vân

Nguồn: <http://www.thanhvien.com.vn/news/pages/200809/227642.aspx>

Trao đổi xung quanh loạt bài "Thiên sư Lê Mạnh Thát và những phát hiện lịch sử chấn động"

Trong và sau khi *Thanh Niên* đăng loạt bài [Thiên sư Lê Mạnh Thát và những phát hiện lịch sử chấn động](#), đã có nhiều nhà nghiên cứu và bạn đọc gửi thư, viết bài hưởng ứng và tranh biện. Một số báo như *Nhân Dân*, *Thông tấn xã Việt Nam*, *Thể Thao & Văn hóa*, *Nhà báo & Công luận*... cũng đã đăng bài trao đổi. Để rộng đường dư luận và trao đổi học thuật, chúng tôi sẽ lần lượt đăng một số bài viết thể hiện các ý kiến khác nhau.

Chúng tôi mong muốn những phát hiện mới về lịch sử cũng như những ý kiến tranh luận sẽ sớm được các cơ quan khoa học về lịch sử thẩm định, đánh giá, kết luận, nhằm góp phần làm sáng rõ những trang sử vẻ vang của dân tộc, nhất là vào các thời kỳ nước ta không có hoặc có rất ít sử liệu. Số báo này xin giới thiệu nguyên văn bài viết của ông Trương Thái Du và bài viết của nhà giáo Hà Văn Thịnh.

Đôi lời với những phát hiện lịch sử chấn động

Từ ngày 27.2.2008 đến 6.3.2008, Báo *Thanh Niên* liên tiếp đăng loạt bài *Thiên sư Lê Mạnh Thát và những phát hiện lịch sử chấn động* của tác giả Hoàng Hải Vân. Vì

yêu thích cổ sử và ít nhiều đã có những biên khảo nhỏ ở góc độ nghiệp dư, tôi đặc biệt chú ý và theo dõi rất kỹ vấn đề ông Thát theo đuổi. Từ gợi ý của *Thanh Niên*, tôi đã vừa đọc báo, vừa tìm hiểu quyển *Lục độ tập kinh và lịch sử khởi nguyên của dân tộc ta* của tác giả Lê Mạnh Thát. XNB Tổng hợp TP.HCM - 2006 (LĐTK).

Một số điểm nổi bật

Xuyên suốt loạt bài báo và quyển *LĐTK*, có thể nhận ra ngay mấy vấn đề rất mới ông Thát đưa ra là:

1. Truyện mẹ Âu Cơ đẻ trăm trứng nở trăm con có nguồn gốc từ nước Phật.
2. Truyện thuyết An Dương Vương không có thật, nó là phiên bản của một câu chuyện Ấn Độ.
3. Triệu Đà chưa từng xâm lược nước Việt cổ.
4. Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam trước thời Hai Bà Trưng là những quận mà triều đình Hán "đoạt khổng", tức đặt tên trên bản đồ nhưng không chiếm đóng trực tiếp.

Kết hợp với việc giải mã lịch sử ẩn trong kinh Phật, ông Thát chứng minh từ Vua Hùng đến Hai Bà Trưng nước ta hoàn toàn độc lập, có đầy đủ chữ viết, luật tục, thi thơ lễ nhạc.

Quan điểm của ông Lê Mạnh Thát thiên về tính bản địa của văn minh Việt Nam, nó tương đồng với các nghiên cứu của nhiều sử gia lớn như Phan Huy Lê, Trần Quốc Vượng, Hà Văn Tấn... Đúng là không thể phủ nhận truyền thuyết An Dương Vương có cái vỏ Mahābhārata. Tuy vậy ông Thát đã bỏ qua vài chi tiết rất quan trọng góp phần tạo dựng truyền thuyết An Dương Vương: Tích Trương Nghi theo đường rùa bò xây thành tại nước Thục (TK 4 TCN). Theo sách "Đông Kinh hoa mộng lục", thời Hậu Chu (951-959) tại Trung Quốc có xây dựng Loa thành hình xoáy tròn ốc, có ba vòng là Thành ngoại, Thành nội và Hoàng thành. Thành này hiện vẫn còn di tích tại thành phố Khai Phong, tỉnh Hà Nam, Trung Quốc. Đó là chưa kể truyện dân gian "Thần cung bảo kiếm" của người Choang ở Quảng Tây có motip rất "An Dương Vương".

Bằng việc rút mắt xích An Dương Vương và Triệu Đà khỏi chuỗi Vua Hùng - An Dương Vương - Triệu Đà - Hai Bà Trưng, ông Thát bắt buộc phải bẻ cong sử liệu để nối Vua Hùng trực tiếp với Hai Bà Trưng. Phương pháp luận này lập tức tạo ra một lỗ hổng lớn như sau:

Thời Hùng Vương qua truyền thuyết nước ta chỉ có thể đang ở chế độ Phụ hệ hoặc Mẫu hệ với lãnh tụ là nam giới. Trong khi đó thời Hai Bà Trưng thì chắc chắn nước ta ở chế độ Mẫu quyền. Nội hàm mẫu quyền bao gồm mẫu hệ và lãnh tụ là nữ giới.

Chuỗi Hùng Vương - Hai Bà Trưng của ông Thát sẽ phô ra sự thật lùì phi thực tế của văn minh Việt cổ, đi ngược lại hình thái phát triển chung của nhân loại là Mẫu quyền đến Mẫu hệ rồi mới đến Phụ quyền. Hơn nữa, dù tham khảo thêm khái niệm

"Mô hình xã hội lưỡng hệ" của GS sử học Hàn Quốc In Sun Yu trong quyển *"Việt Nam học, kỷ yếu hội thảo quốc tế lần thứ nhất, Hà Nội 15-17.7.1998 tập 4 (NXB Thế giới 2001)"*, ta vẫn thấy sự bất cập của chuỗi Hùng Vương - Hai Bà Trưng.

Nhằm cởi bỏ mâu thuẫn này, không ít học giả xưa nay nghi ngờ đã có những cuộc di cư lớn của người Lạc Việt từ miền nam Trung Hoa đến đồng bằng sông Hồng, dưới sức ép bành trướng lãnh thổ cũng như xâm lăng văn hóa của văn minh Hoa Hạ. Hệ lụy của cuộc di tản bất đắc dĩ đã khiến xã hội Lạc Việt đi giạt lùi, trở ngược về hình thái xã hội Mẫu quyền. Tiếc là hướng nghiên cứu ấy sẽ phủ nhận thuyết bản địa của văn minh Việt Nam, điều mà toàn bộ quyển sách *LĐTK* nói riêng và nền sử học Việt Nam không đồng tình.

Vì cố gắng khóa lấp lỗ hổng này, Lê Mạnh Thát đã mạnh dạn *"Xác định Việt Thường là Cửu Chân"* và *"Nói thẳng ra, nước ta gồm 3 quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam cho đến năm 43 sđl vẫn là một nước độc lập, các vua Hùng vẫn cai trị và nước có tên là Việt thường hay Việt thường thị"* (*LĐTK* trang 318, 319). Nghĩa là ông Lê Mạnh Thát chia cho vua Hùng quận Cửu Chân, Hai Bà Trưng quận Giao Chỉ (!?). Xin các bạn tự kết luận sau khi cùng tôi tham khảo *Đào Duy Anh, Lịch sử cổ đại Việt Nam, NXB VHNT 2005, trang 218, 219: "Sách Điền Hệ của Sứ Phạm viết về các dân tộc thiểu số ở miền Vân Nam cho biết rằng một dân tộc thiểu số tên là Sản Lý hay Xa Ly, có truyền thuyết nói rằng đời Chu Thành vương họ sai xứ giả đến triều cống, khi về được Chu công cho xe chỉ nam, vì thế họ lấy tên là Xa Lý. Lại có một dân tộc khác là Lão Qua có truyền thuyết rằng ở thời nhà Chu, tổ tiên của họ là nước Việt Thường. Sách Điền nam tạp chí thì nói Diển Điện là nước Việt Thường xưa. Những dân tộc kể trên nhận Việt Thường là tổ tiên xa của mình đều có thể là di duệ của người Di Việt, tức của người Việt tộc xưa cả. Do đó chúng ta có thể đoán rằng nước Việt Thường xưa, một nước của Việt tộc ở miền nam Dương Tử, có thể tồn tại thực, cho nên một số dân tộc di duệ của Việt tộc ngày nay, trong ấy có Việt Nam, vẫn còn ghi nhớ mà xem như nước tổ của mình"*.

Nghi ngờ trên phương diện văn bản học khái niệm "Đoạt khổng"

Gút mắc lớn nhất và chần động lớn nhất theo tôi, là việc ông Lê Mạnh Thát khẳng định ba quận Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam là "... "đoạt khổng" đất đai nhằm thỏa mãn nảo trạng và ao ước bành trướng của nhà Hán mà thôi". Lập luận của bài báo là: Tượng Quận nằm ngoài lãnh thổ Việt Nam hiện đại. Trích báo: *"Một số tài liệu Trung Quốc có chép một cách lầm lạc rằng nó là Nhật Nam (nước ta) sau này, nhưng đối chiếu với những tài liệu tin cậy cũng của chính Trung Quốc, từ rất sớm người ta đã biết Tượng Quận nằm giữa hai quận Uất Lâm và Tường Kha của Trung Quốc chứ không phải nước ta"*. Quan điểm này đã có hàng trăm năm nay với những cái tên quen thuộc như Maspero, hoặc hoàn toàn xa lạ như Guime Saeki (*Tạp chí Nam Phong, số 133, năm 1928*). Thực ra Nguyễn Văn Tố (1) đã bác bỏ Maspero một cách thuyết phục như sau: Hán Thư chép năm 76 TCN bỏ Tượng Quận, lấy đất ấy nhập vào Uất Lâm và Tường Kha. **Đây là Tượng Quận của đời Hán chứ không phải của đời Tần**. Quyển Lĩnh Ngoại đại đáp của Chu Khứ Phi có đoạn nói Hán Vũ Đế chiếm Nam Hải đã tách Tượng Quận của Tần làm ba Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam, lại cắt một ít Nam Hải và Tượng Quận để thành Hợp Phố. Nguyễn Văn Tố đã đi xa hơn khi khẳng định *"...người Tần bấy giờ mới đi đến Quế Lâm, còn từ Quế Lâm trở vào chẳng biết rộng hẹp thế nào, cứ đặt một quận để gọi là có tên..."* (2).

Trước tháng 10 năm 2004, trước khi sách của ông Thát ra đời gần 2 năm, trong nhiều bài khảo cứu đăng trên mạng tôi đã chứng minh bằng thiên văn một cách có hệ thống tính khái niệm của ba từ Giao Chỉ, Cửu Chân, Nhật Nam. Nó tương đồng hoàn toàn với định nghĩa "đoạt khổng" của ông Thát. Về phần tôi, khó ai có thể quy kết tôi đã tham khảo ông Thát khi dùng thuật toán thiên văn rất riêng của một người đi biển yêu cổ sử. Trên giấy trắng mực đen của văn bản học, người nêu ra vấn đề trước (2004) có quyền nghi ngờ người in sách sau (2006). Nếu độc giả tin tưởng ông Thát, xin vui lòng giúp ông Thát chứng minh giữa sách in và bản thảo có khoảng cách "an toàn", giúp hai hướng nghiên cứu này cùng góp phần làm sáng tỏ lịch sử Việt Nam.

Về sử liệu ông Lê Mạnh Thát sử dụng

Sử liệu về cổ sử Việt Nam thật ít ỏi, phần lớn là sách Trung Quốc và truyền thuyết dân gian. Đến thời đại văn minh mạng máy tính hôm nay, chúng ta không những có nhiều công trình biên khảo của người Việt xuất bản liên tục, mà còn có thể truy đến nguyên văn Hoa ngữ khá đầy đủ, hệ thống và khoa học trên các trang web Trung Quốc cũng như Đài Loan. Tiếc là phần lớn *LĐTK* của ông Thát viết cách đây đã 40 năm, sử liệu Trung Hoa ông dùng thiếu độ liên lạc, đầy đủ cũng như không được cập nhật. Hơn nữa ông chỉ dịch cắt khúc từ những nguồn rất cũ như *Tiền Hán thư 44 7a1-11a13*, hoặc *Sử Ký 112 từ 7b10-8a3.v.v...* mà không hề có bản tiếng Hoa kèm theo. Phần dịch sử liệu chiếm hơn một phần ba của *LĐTK* dày 365 trang. Điều này gây khó khăn cho người khảo cứu và các sinh viên khoa sử muốn xem sách của ông như một tài liệu tham khảo hữu dụng, và lại càng đánh đổ những ai muốn "tra tận gốc" sử liệu của ông Thát như gợi ý của Báo *Thanh Niên*.

Ngoài ra có thể nói ông Lê Mạnh Thát đã khai thác một chiều sử liệu Trung Hoa: Suốt *LĐTK*, ông sử dụng khá nhiều văn bản Trung Hoa, nhưng đáng tiếc phương pháp của ông rất cảm tính. Thứ gì có lợi cho thuyết của ông thì ông xem như chân lý và không thêm nhìn nhận nó dưới nhiều góc độ. Việc "phân đất" Cửu Chân cho vua Hùng ở trên là ví dụ thứ nhất. Ví dụ thứ hai: Trong mục "Về vấn đề chín quận" trang 319 đến 327, ông Thát dẫn từ *Tiền Hán Thư* các con số thống kê dân số năm thứ 2 sau công nguyên. Ông xem nó đúng một cách tuyệt đối và dằng dài phân tích các con số. Ở đây tôi muốn trích lời Stephen O'Harrow, trong quyển *Những vấn đề lịch sử Việt Nam, NXB Trẻ 2001*, trang 30, bình luận trên cùng những con số này: "*Vào đầu thế kỷ I sau công nguyên, người Trung Hoa nói chung cũng không thật giỏi giang và chính xác lắm, chưa kể họ còn sử dụng tri thức vì lợi ích của họ*".

Một dẫn chứng nữa: Ngày nay, dưới nhãn quan thiên văn hiện đại, người ta phát hiện rất nhiều ghi chép thiên văn cổ Trung Hoa có những sai lệch khá ngờ ngạc. Chẳng hạn các sao hung cát đã không ít lần được các sử quan cho chiếu xuống Trung Quốc không theo chu kỳ mà đa số sử quan đã rất am tường. Giả thiết là, đây hẳn nhiên mang dấu ấn chính trị nhằm tác động đến nhóm người mê tín nào đó có quyền đưa ra các quyết sách quan trọng.

Nếu lật ngược con số nhân khẩu Giao Chỉ rất lớn ở *Tiền Hán Thư*, ta hoàn toàn có thể đưa ra giả thiết: Nhóm mang dã tâm bành trướng trong triều đình Hán muốn kê dân số Giao Chỉ lên cao để chứng minh nơi này đất rộng người đông, sản vật phong phú, nếu chiếm đóng sẽ mang nhiều lợi ích cho Hán tộc. Đọc truyện Giả Quyên Chi

trong *Hán thư* ta sẽ thấy triều Hán lúc nào cũng có hai nhóm ủng hộ và phản bác việc mở rộng và trực trị cương giới phía nam.

Tạm kết luận

Trong khuôn khổ một bài báo ngắn mà tôi muốn viết, chỉ ra bất cập trong các nghiên cứu "chấn động" của ông Lê Mạnh Thát không thể quá dài dòng và truy đủ cước chú. Mặc dù còn khá nhiều lỗ hổng, nhưng tôi tin công trình của ông Thát cũng như tất cả công trình khảo sử của bất cứ ai đều đáng trân trọng và cần được đưa ra công luận một cách bình đẳng. Càng nhiều cày xới, càng nhiều suy biện thì người đọc càng có cơ hội tiếp cận gần nhất sự thật lịch sử.

Trương Thái Du

Thảo Điền

6.3.2008

¹ Đại Nam dật sử - Sử ta so với sử Tàu. *Hội KHLN VN 1997, lược nội dung trang 481, 482.*

² *Sách đã dẫn, trang 488.*

Hãy trân trọng những phát hiện mới về lịch sử dù nhỏ nhất!

Loại bài về *Những phát hiện lịch sử chấn động của thiền sư Lê Mạnh Thát* đăng trên Báo Thanh Niên trong mấy ngày vừa qua được dư luận đặc biệt quan tâm.

1. Người viết bài này đã đọc và trích dẫn từ các công trình nghiên cứu của Lê Mạnh Thát (LMT) khá nhiều, đặc biệt là qua hai bài đã công bố trên *Kiến thức Ngày nay* số 258, 10.4.2005: *Trần Nhân Tông với chữ Nhân và Ngoại giao Trần Nhân Tông*. Chính vì thế, về linh cảm và từ niềm tin đã có sẵn, chúng tôi tin những công bố của LMT là có cơ sở nhất định. Tuy nhiên, khoa học không thể bắt đầu bằng cách thức cảm nhận như thế nên chúng tôi mong muốn các nhà sử học hãy quan tâm đến vấn đề này. Dù không thể tránh khỏi sai sót, những ý kiến của thiền sư LMT là cực kỳ ấn tượng và nhất là, mang tính dự báo cho bước đột phá quan trọng đối với việc dựng lại những trang sử của dân tộc trong các thời kỳ không có hoặc thiếu sử liệu. Hội Sử học Việt Nam, các trường ĐH và các trung tâm nghiên cứu phải vào cuộc vì đó là trách nhiệm của các vị. Có như thế thì chúng ta mới có thể tập hợp được ý kiến đề nghị Nhà nước thành lập một hội đồng thẩm định nhằm xem xét và đánh giá một cách khách quan, cẩn thận *toàn bộ* tư liệu mà LMT có - dù chưa hoặc đã công bố.

2. Không ít nhà sử học từ lâu đã nghi ngờ lịch sử giai đoạn Triệu Đà - An Dương Vương lâu nay được viết chủ yếu bằng truyền thuyết và những chứng cứ mượn mào, sai lệch. Thậm chí, trong toàn bộ Bộ Lịch sử Việt Nam - kể cả SGK cho học sinh lẫn chính sử đều có không ít những nhầm lẫn đáng tiếc. Nhưng, tất cả những

lời phàn nàn hay than vãn từ báo chí đều trôi tuột theo độ nghiêng của nhận thức hay nói theo cách của Đức Phật (Budha): "Lặng im như một bếp lửa vừa tàn". Và cũng vì thế, hết năm này sang năm khác chúng ta cứ mãi hoài kêu ca về tình trạng con cháu không thích học sử dân tộc, thi môn sử phần nhiều là điểm kém. Vì vậy, tôi nghĩ *đóng góp to lớn và nhiều ý nghĩa* nhất của thiền sư LMT là ở chỗ ông đã **bổ nhất cuộc đầu tiên** để khai phá rồi ươm trồng những hạt giống nhận thức mới về lịch sử. Có thể ý kiến của LMT có rất nhiều chỗ đáng bàn, chẳng hạn như đoạn viết về *Việt luật* (mà thật ra là *luật tục*) hay kết luận hơi sớm khi cho rằng bài *Việt ca* do Lưu Hướng chép (thế kỷ I tr.CN) là *Việt ca* của Việt Nam trong khi nhiều nghiên cứu nói rằng *Việt ca* đó của người Bách Việt ở vùng Giang Tô - Hán Thủy... (Hai điểm cần bàn mà tôi vừa dẫn là ý kiến của TS Nguyễn Việt, GĐ Trung tâm Tiền sử Đông Nam Á đăng trên Báo *TT&VH* ngày 11.3.2008). Các ý kiến khác như của nhà sử học Dương Trung Quốc và nhà biên khảo lịch sử Trương Thái Du (cũng đăng trên *TT&VH* trong mấy ngày gần đây), có một *điểm chung* là sự dè dặt, vừa phải trong đánh giá, công nhận hoặc phê phán. Sự cẩn trọng trong khoa học là tiêu chí cần phải có nhưng ngược lại, nếu cái gì cũng chung chung, từ từ thì làm sao chúng ta cùng nhau tiến hành tìm tòi, nghiên cứu một cách nghiêm túc những điều còn mơ hồ trong lịch sử? Cái đáng quý và cần được ghi nhận một cách trân trọng là ở chỗ, thiền sư LMT đã buộc tất cả những nhà nghiên cứu lịch sử nước ta và cả những ai quan tâm đến lịch sử phải có một thay đổi thật sự trong cách tiếp cận, cách hiểu và diễn giải lịch sử.

3. Thiền sư LMT đã "biết mình, biết người" nên mới công bố một cách gián tiếp quan điểm lịch sử mới của mình. Khi còn ngồi trên ghế nhà trường, các giáo sư như Đinh Xuân Lâm, Hà Văn Tấn, Trần Quốc Vượng, Phan Huy Lê đã dạy chúng tôi rằng chỉ cần một phát hiện nhỏ thôi nhưng mới, như thế cũng đáng để bỏ ra tâm nguyện cả đời. Thiền sư LMT và cuốn sách nghiên cứu về *Lục độ tập kinh* (và nhiều cuốn khác, chẳng hạn như *Toàn tập Trần Nhân Tông*, NXB TP.HCM, 2000) của ông có một vị trí đặc biệt. Đừng vội chê trách thiền sư LMT không phải là một nhà sử học chuyên nghiệp để ngụ ý phủ định đóng góp của thiền sư. Tôi từng biết rất nhiều nhà sử học không chuyên nghiệp nhưng lại cực giỏi như Nguyễn Đắc Xuân, Dương Phước Thu, Phan Thuận An ở Huế. Mặt khác, khoảng cách giữa lịch sử và tư liệu lịch sử là điều ai cũng biết nhưng dám và biết nhận ra điều đó mới là điều khó.

Đã tới lúc các nhà sử học phải đặt câu hỏi rằng tại sao dân tộc Việt Nam phi thường và vinh quang như thế, quật cường và giàu vị tha như thế, mà nhiều trang sử lại được viết sơ sài và khô khan đến thế?

Hà Văn Thịnh

(Giảng viên khoa Lịch sử, Đại học Khoa học Huế)

Làm gì trước những phát hiện mới về lịch sử?



Một số trong nhiều tác phẩm đã xuất bản của Thiền sư Lê Mạnh Thát

* Hội Khoa học lịch sử sẽ tổ chức tranh luận khoa học những vấn đề mà thiền sư Lê Mạnh Thát đưa ra

Còn rất nhiều ý kiến của các nhà nghiên cứu và bạn đọc tham gia trao đổi loạt bài *Thiền sư Lê Mạnh Thát và những phát hiện lịch sử chấn động*. Số báo này chúng tôi xin giới thiệu bài viết của nhà nghiên cứu Nguyễn Đắc Xuân, nhà báo Trần Đức Chính, ý kiến của tiến sĩ Hoàng Ngọc Kỳ và đăng lại bản tin của Báo SGGP "Sẽ tổ chức tranh luận khoa học những vấn đề mà Thiền sư Lê Mạnh Thát đưa ra". Chúng tôi xin tạm dừng cuộc trao đổi ở đây để dành cho sự đánh giá, thẩm định của các nhà khoa học.

Làm gì trước những phát hiện mới về lịch sử?

Những ai từng nghiên cứu lịch sử hẳn đã thấy việc khám phá được một sự kiện lịch sử mới nó khó khăn, quý giá biết chừng nào. Có bao nhiêu nhà sử học đã nghiên cứu, phát hiện được các sự kiện để hiệu đính những sai lầm, giải mã một bí ẩn hay bổ sung một thiếu sót trong lịch sử dân tộc? Ít người có câu trả lời chính xác.

Công việc khó và hiếm hoi như vậy theo tôi có nhiều lý do nhưng lý do quan trọng nhất là thiếu tư liệu. Sau chiến tranh, ít có sử gia Việt Nam có đủ điều kiện tiếp cận được các kho tư liệu của các nước đã có mối quan hệ lịch sử với Việt Nam như Trung Quốc, Thái Lan, Pháp, Mỹ, Anh, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha...v.v. (Ví dụ tư liệu mới về thời Tây Sơn chỉ có thể tìm được ở Trung Quốc, Tây Ban Nha, Vatican). Không có tư liệu mới để khảo chứng thì không khám phá được những sự kiện mới.

Quan niệm như thế cho nên tôi hết sức trân trọng, cảm phục những phát hiện lịch sử cực kỳ mới mẻ của Thầy Lê Mạnh Thát diễn giải trong bộ **Tổng tập Văn học Phật giáo Việt Nam** và bộ **Lịch sử Phật giáo Việt Nam** (NXB Tổng hợp TP.HCM) và nhiều tác phẩm khác của ông. Không có một sức học uyên bác, không có một kho tư liệu phong phú mới lạ, không có một sức làm việc phi thường thì không thể có được những phát hiện ấy. Tuy nhiên vì không chuyên về cổ sử Việt Nam nên lâu nay tôi chờ ý kiến thẩm định của các chuyên gia cổ sử và các cơ quan chức năng về những tài liệu đã được công bố này. Rất tiếc là mấy năm nay điều tôi mong chờ vẫn im hơi lặng tiếng. May sao 7 số báo Thanh Niên vừa qua đã giúp những phát hiện lịch sử của Thầy Lê Mạnh Thát bật dậy và gây chấn động không ít trong giới sử học.

Sáng hôm 11.3, sau buổi giao lưu với độc giả về cuốn sách "Đi tìm dấu tích Cung điện Đan Dương - sơn lăng của Hoàng đế Quang Trung" của tôi trong Hội sách lần thứ V tại Công viên Lê Văn Tám, nhiều bạn thanh niên đã vây quanh hỏi ý kiến tôi về "Những phát hiện lịch sử chấn động" của Thầy Thát trên báo *Thanh Niên*. Tôi đã trả lời và xin ghi lại sau đây để bạn đọc *Thanh Niên* tham khảo:

1. Đây là những phát hiện lịch sử. Muốn biết những phát hiện của Thầy Lê Mạnh Thát giá trị như thế nào phải kiểm tra nguồn tư liệu mà Thầy đã dùng. Nếu tư liệu đúng, phương pháp nghiên cứu đúng

thì phải công nhận kết quả nghiên cứu của Thầy. Một đời cầm bút mà chỉ cần đính chính được bài thơ *Xuân nhật tức sự*, được Lê Quý Đôn chép trong Kiến Văn Tiểu Lục nói là của thiền sư Huyền Quang thời Trần (1254-1334) mà sự thực là của thiền sư Áo Đường Trung Nhân (?-1203) thời nhà Tống bên Trung Quốc là đã có công lớn rồi. Xưa nay ai dám động đến Lê Quý Đôn ? Việc kiểm tra đúng sai chuyện này bây giờ quá dễ. Chỉ cần đến 750 Nguyễn Kiệm, Phú Nhuận TP.HCM, đề nghị Thầy Lê Mạnh Thát cho sao lại tài liệu Thầy đã dùng và đem đối chiếu với nguồn gốc của nó (cũng được Thầy chỉ rõ) là xong ngay. Nhiều phát hiện khác cũng có thể kiểm tra theo cách này. Tôi không hiểu đã có ai làm việc đó chưa ! Không phản bác được tư liệu đã khảo chứng của Thầy Lê Mạnh Thát thì phải chấp nhận thông tin lịch sử mà Thầy đưa ra. Đây là lịch sử, không thể có ý kiến khi chưa khảo về tư liệu. Mọi ý kiến về nghiên cứu lịch sử mà không căn cứ trên tư liệu thì chỉ nghe chơi thôi.

2. Những phát hiện mới mẻ mà chưa có tài liệu trực tiếp chứng minh như không có sự kiện “An Dương Vương đánh bại vua Hùng Vương thứ 18 rồi lập nên một triều đại như Đại Việt sử ký toàn thư của Ngô Sĩ Liên đã viết”, “Cổ Loa chẳng qua chỉ là một tên gọi được Ngô Sĩ Liên lấy từ truyền thuyết của Lĩnh Nam Chích Quái để đưa vào Đại Việt sử ký toàn thư gắn vào An Dương Vương mà thôi” v.v... ta xem như những phát hiện còn phải tiếp tục chứng minh, chứ không loại bỏ. Không nên vì những cái chưa được rõ ràng mà làm ngại trước những phát hiện đã rõ ràng.

3. Những phát hiện mới của Thầy Lê Mạnh Thát có đầy đủ tư liệu chứng minh rõ ràng thì các ngành chức năng phải tiếp nhận ngay, không những để tưởng thưởng cho tác giả, khuyến khích các nhà nghiên cứu khác đi tìm cái mới, mà còn liên quan đến việc sửa sách giáo khoa, sách sử dân tộc...

4. Qua tiếp xúc với một số nhà Việt Nam học ở nước ngoài, tôi thấy họ rất quan tâm đến các công trình nghiên cứu lịch sử Việt Nam. Họ có nhận xét là sự đổi mới về nghiên cứu lịch sử ở Việt Nam quá chậm so với văn học, báo chí. Đặc biệt họ rất quan tâm đến trách nhiệm của các ngành chức năng đối với các phát hiện mới về lịch sử, đến tâm và trí của các nhà sử học qua các phản biện lịch sử. Giữa thời đại bùng nổ thông tin này mà *Những phát hiện lịch sử gây chấn động* của Thầy Lê Mạnh Thát vẫn rơi vào im lặng được sao ? Vấn đề cho sử gia các nước đối tác với chúng ta xem thường chúng ta được sao?

Nguyễn Đắc Xuân (Nhà nghiên cứu)

Sẽ tổ chức tranh luận khoa học những vấn đề mà thiền sư Lê Mạnh Thát đã đưa ra

Xung quanh những vấn đề lịch sử dân tộc được cho là của thiền sư Lê Mạnh Thát mà Báo *Thanh Niên* đưa ra trong thời gian gần đây, chiều qua 11.3, lãnh đạo Hội Khoa học lịch sử Việt Nam đã có cuộc họp để thảo luận về những vấn đề liên quan. Quan điểm của Hội Khoa học lịch sử Việt Nam là tất cả những phát hiện mới về lịch sử dân tộc đều đáng trân trọng, tuy nhiên để khẳng định một vấn đề cần có những tranh luận công khai, minh bạch về mặt khoa học, cần có những cứ liệu khoa học xác đáng, đủ sức thuyết phục. Vì vậy, với trách nhiệm của mình, Hội Khoa học lịch sử Việt Nam sẽ tiến hành tranh luận công khai về những vấn đề mà thiền sư Lê Mạnh Thát đưa ra theo 2 hướng: Tổ chức hội thảo bàn tròn với sự có mặt của thiền sư và những nhà khoa học đầu ngành lịch sử, qua đó thực hiện việc chất vấn khoa học cũng như phản biện một cách công bằng, minh bạch; tổ chức tranh luận trên Tạp chí *Xưa và Nay* (cơ quan của Hội Khoa học lịch sử Việt Nam). Tại đây các học giả có thể tham dự bằng các bài viết xung quanh vấn đề này, sau đó Hội Khoa học lịch sử Việt Nam sẽ thực hiện tổng kết một cách công khai, theo đúng tinh thần tranh luận khoa học, cả đồng thuận lẫn phản biện; tôn trọng các ý kiến khác nhau, đồng thời qua đó tìm ra được những vấn đề có tính khoa học cao nhất, thuyết phục nhất. Nội dung tranh luận khoa học mà Hội Khoa học lịch sử Việt Nam tổ chức là dựa vào những công trình, nghiên cứu của thiền sư Lê Mạnh Thát đã công bố, chứ không phải chỉ dựa vào những nội dung mà Báo *Thanh Niên* đã nêu ra.

Về vấn đề này, trong một cuộc trả lời báo chí gần đây, nhà sử học Dương Trung Quốc (với tư cách cá nhân) cho rằng, tất cả những cái đó phải được xem xét cụ thể trên nhiều phương diện như độ tin

cậy của sử liệu, phương pháp phân tích của tác giả và phải đặt trong tổng thể với các nguồn tư liệu khác. Các bộ kinh Phật đương nhiên là hết sức quý, nhưng nó cần được giải thích sự khác biệt với các nguồn tư liệu khác cũng có giá trị riêng của nó, kể cả truyền thuyết và dã sử. Không phải cứ nói đến “chính sử” của triều Lê (*Đại Việt Sử ký toàn thư*) do những sử gia tên tuổi biên soạn đã là chân lý tuyệt đối. Bởi trước hết, nó là sản phẩm của những cá thể hay triều đại, dù uyên thâm đến mấy thì cũng vẫn có thể có sai sót và nhiều khi xuất phát từ những lợi ích không thể gọi là tuyệt đối vì dân tộc mà căn bản là của giới cầm quyền. Đương nhiên, cũng không chỉ dựa vào một bộ kinh dù vô cùng quý giá trong kho tàng Phật giáo mà phủ định, đơn giản những nguồn sử liệu khác. Càng ngày các khoa học càng cần một tư duy tổng hợp và tri thức liên ngành. Sử học cũng vậy. Theo ông Dương Trung Quốc, về khoa học, người ta cần tìm tính biện chứng của những luận điểm; còn về nghề nghiệp thì người ta cần đến sự tranh biện, cầu thị.

Trần Lưu (Tin đăng trên *Sài Gòn Giải Phóng*, 12.3.2008)

Tôi sẽ cung cấp thêm tài liệu về cổ địa lý

Tôi đã đọc bài *Thiền sư Lê Mạnh Thát và những phát hiện lịch sử chấn động* đăng trên Báo *Thanh Niên*. Tôi rất tâm đắc với những vấn đề được nêu ra. Chỉ có báo chí mới có thể giới thiệu với bạn đọc về những phát hiện mới trong khoa học của những người say mê nghiên cứu.

Về thời kỳ Hùng Vương, tôi xin giới thiệu: Năm 1977, trong quá trình nghiên cứu địa chất đồng bằng Bắc bộ, tôi đã phát hiện *biển tiến đột biến* cách đây 4.100 năm. Sự biển tiến đột biến này có thể là nguồn gốc của truyền thuyết "Sơn Tinh - Thủy Tinh" và có liên quan đến quá trình dựng nước thời đại Hùng Vương và các thời kỳ sau này. Cổ địa lý thời Hùng Vương chúng ta chưa từng biết đến. Hồi còn công tác ở miền Bắc, chúng tôi đã cùng với Viện Khảo cổ học tổ chức hội thảo, khi đó Viện Khảo cổ học đang chủ trì chương trình nghiên cứu thời kỳ Hùng Vương. Trong một chuyên khảo mới về địa chất đang chuẩn bị xuất bản có chương "*Biển tiến đột biến Holoxen, xuất xứ truyền thuyết Sơn Tinh - Thủy Tinh và điều kiện ra đời Nhà nước Hùng Vương phát triển cho đến nay*".

Những vấn đề về cổ địa lý có thể góp vào nghiên cứu lịch sử mà thiền sư Lê Mạnh Thát đã nêu. Tôi sẽ tặng tài liệu cho Báo *Thanh Niên* và thiền sư để nghiên cứu.

Mong muốn của những người nghiên cứu khoa học là làm sao kết quả nghiên cứu đến được với người đọc để sử dụng nó vào trong thực tiễn phát triển kinh tế và xã hội.

Tiến sĩ Hoàng Ngọc Kỳ (660 Nguyễn Văn Quá, quận 12, TP.HCM)

Phản biện

Thông tin mới lạ, nhanh nhạy, chính xác làm nên sự hấp dẫn của báo chí. Thế nhưng những thông tin mang tính phản biện lại thể hiện sức mạnh của truyền thông, tỏ rõ bản lĩnh của nhà báo và là một trong những yếu tố cấu thành cái mà chúng ta vẫn (nói riêng với nhau), đẳng cấp của cơ quan báo chí.

Tuần này có hai phản biện tầm cỡ. Thứ nhất là loạt bài trên Báo *Thanh Niên* của Hoàng Hải Vân giới thiệu những phát hiện lịch sử chấn động của Thiền sư Lê Mạnh Thát. Đây là một vấn đề lớn ngoài tầm hiểu biết của chúng ta, của cả những người viết sử đã từ bao đời nay về lịch sử 4.000 năm của dân tộc Việt Nam. Đã có lúc chúng ta cảm thấy con số 4.000 năm có vẻ mung lung, chập chờn, thậm chí gần đây nhiều người ngại nói đến. Thì nay, công trình nghiên cứu của Lê Mạnh Thát đã khơi dậy với những chứng minh đang hé mở một chân trời mới về thời đại Hùng Vương, về một nền văn hiến trước Bắc thuộc của người Việt, mà đến cỡ nhà sử học Ngô Sĩ Liên ngày xưa cũng nói không đúng.

Phản biện thứ hai là bài báo của TS Vũ Quang Việt gửi từ New York đăng trên Lao Động 3.3.2008. Bài báo lấy tit một bài của Tuổi Trẻ 29.2, dẫn lời Bộ trưởng Tài chính nước ta "Không sai lầm về chính sách, nhưng yếu kém trong dự báo". Có điều đằng sau câu nói này của TS Vũ Quang Việt đã đặt thêm một dấu hỏi (?). Đơn giản là tác giả đã chứng minh có những sai lầm trong chính sách năm 2007 vừa qua, có liên quan đến cơ "bảo giá" và lạm phát hiện nay.

Chúng tôi không đi sâu vào hai phản biện này vì nó đang nóng trên báo chí những ngày vẫn còn rét đậm đầu tháng 3.2008. Điều muốn nói là công chúng ngày nay rất cần những thông tin phản biện trên cơ sở tin cậy như thế. Phản biện chỉ làm vấn đề sáng tỏ hơn, dù có phải phủ nhận một cái gì đó, một ai đó, âu cũng là chuyện thường tình. Những ngày này Đài TH Hà Tây đang phát lại bộ phim dài Bao Thanh Thiên. Bài hát của phim có câu "chỉ có thể biết nhiều, biết ít, chứ không bao giờ biết đủ". Nếu chúng ta càng có nhiều thông tin trên báo chí có tính phản biện thì sức mạnh nghề báo sẽ càng được tăng cường. Cũng cần nói thêm, trước các phản biện, nên nhớ lời người xưa: "Tri bất tri, bất tri vi tri" (biết điều mình chưa biết tức là chưa biết mà biết vậy).

Trần Chính Đức *

(Bài đăng trên *Nhà báo & Công luận*, 7.3.2008)

* Tác giả là Trần Đức Chính (bút danh khác: Lý Sinh Sự), Tổng biên tập Báo *Nhà báo & Công luận*, nguyên Phó tổng biên tập Báo *Lao Động*.

GS Phan Huy Lê phản đề "Những phát hiện chấn động lịch sử"



Xung quanh những vấn đề Báo Thanh niên nêu ra trong thời gian vừa qua, cho rằng đó là những phát hiện lịch sử của Thiền sư Lê Mạnh Thát và cần viết lại lịch sử dân tộc, phóng viên Báo SGGP đã có cuộc trao đổi với Giáo sư Phan Huy Lê (ảnh) – Chủ tịch Hội khoa học Lịch sử Việt Nam.

Từ bản thảo đến kinh ngạc

Với tư cách là một nhà sử học, Giáo sư nhìn nhận như thế nào những vấn đề mà Báo Thanh niên đưa ra trong thời gian qua?

Loạt bài 7 kỳ của Báo Thanh niên với đầu đề “Thiền sư Lê Mạnh Thát và những phát hiện lịch sử chấn động” rất gây sự chú ý của người đọc. Về một mặt nào đó, loạt bài đã gây chấn động trong dư luận xã hội. Tôi đã nhận được rất nhiều thư và điện thoại của bạn đọc, bạn đồng nghiệp và nhiều người yêu lịch sử dân tộc, hỏi về những vấn đề liên quan, ngay khi loạt bài khởi đăng.

Đọc kỹ những bài báo đó, ấn tượng đầu tiên của tôi là rất băn khoăn. Không rõ nhà báo Hoàng Hải Vân có phản ánh đúng thực sự thái độ của Thiền sư Lê Mạnh Thát về những vấn đề đã đặt ra đó hay không?

Thiền sư Lê Mạnh Thát thì tôi đã có dịp gặp gỡ, tiếp xúc trong cuộc hội thảo khoa học về Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử tổ chức tại Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh và sau đó cùng đi thăm các chùa tháp tại Yên Tử. Đó là cuộc tiếp xúc rất cởi mở và để lại trong tôi ấn tượng tốt đẹp về Thiền sư với tư cách là một thiền sư và là một học giả

ngiên cứu chuyên sâu về Phật giáo Việt Nam. Chính vì vậy, tôi rất kinh ngạc về thái độ của Thiền sư thể hiện trên Báo Thanh niên.

Ví dụ như khi nói về Lê Quý Đôn, nói là “ông Lê Quý Đôn mà cũng lười thôi quá”. Mà điều đó chỉ dựa trên một đoạn ngắn trong “Kiến văn tiểu lục” của Lê Quý Đôn viết về Thiền sư Hương Hải, mà trong đó Lê Quý Đôn đã dẫn rất rõ là theo cuốn sách “Hương Hải thiền sư ngữ lục” do các học trò của Thiền sư Hương Hải sưu tầm và biên soạn.

Dĩ nhiên theo kết quả thẩm định công phu của Thiền sư Lê Mạnh Thát thì những người sưu tầm đã nhầm lẫn, đưa vào tác phẩm một số bài thơ không phải của Thiền sư Hương Hải. Nhưng không ai có thể phủ nhận Lê Quý Đôn là một nhà bác học lớn của dân tộc, có nhiều tác phẩm biên khảo có giá trị, để lại một di sản đồ sộ với nhiều công hiến cực kỳ có ý nghĩa đối với việc nghiên cứu lịch sử và văn hóa dân tộc.

Cũng như bất kỳ nhà khoa học nào, nhất là về khoa học xã hội, suốt cả cuộc đời làm việc, trong toàn bộ những tác phẩm để lại, tránh sao được một số sơ suất. Hay thái độ đối với Ngô Sĩ Liên, một nhà sử học lớn, người đã biên soạn bộ “Đại Việt sử ký toàn thư” thời Lê sơ.

Thực ra, bộ “Đại Việt sử ký toàn thư” cũng có một số sơ suất mà chúng tôi đã phát hiện và đính chính. Và chính Lê Quý Đôn cũng đã bổ chính một số nhầm lẫn cho bộ sách này. Tuy nhiên chỉ với lời bình luận về nhân vật Sỹ Nhiếp viết trên tinh thần Nho giáo mà Thiền sư lại đưa ra những lời bình luận là “nhắm mắt nói càn” và “thật khốn nạn hết chỗ nói”... Tôi hết sức kinh ngạc những điều lời lẽ đó.

Tôi không tin rằng đây là lời và thái độ của Thiền sư Lê Mạnh Thát. Nhưng dù sao, qua ngòi bút của tác giả Hoàng Hải Vân, thì tất cả người đọc đều cho rằng đó là phát biểu của Thiền sư. Ông là một nhà tu hành và là một học giả, nên tôi vẫn băn khoăn và trong lòng vẫn nghĩ rằng, dù bực bội đến đâu, cũng không thể thốt ra những lời “bất kính” như vậy đối với các bậc học giả tiền bối của dân tộc.

Từ bản thảo đó, Giáo sư đã tìm hiểu vấn đề này như thế nào?

Cái tôi quan tâm là những nội dung vấn đề được đề cập đến. Tôi không muốn nghiên cứu qua những bài báo nói trên, mà muốn xem xét từ trong các công trình mà Thiền sư đã công bố. Tôi đã đọc những công trình nghiên cứu của Thiền sư Lê Mạnh Thát và trong tay tôi trước đó có 2 công trình liên quan đến những vấn đề nói trên từ khi mới phát hành.

Đó là “Lịch sử Phật giáo Việt Nam ” – tập 1 (từ khởi thủy đến thời Lý Nam Đế); “Tổng tập Văn học Phật giáo Việt Nam ” - tập 1. Riêng cuốn “Lục độ Tập kinh và lịch sử khởi nguyên của dân tộc ta” (cuốn được xem là cơ sở trích dẫn nhiều nhất trên Báo Thanh niên), vì không có trong tay, mà theo tôi biết thì chỉ in với số lượng nhỏ, phát hành ở TPHCM, nên tôi đã cấp tốc nhờ bạn bè tìm hộ.

Hiện tôi có đủ 2 bản: bản xuất bản năm 1972 ở Sài Gòn của Tu thư Đại học Vạn Hạnh và bản thứ hai mới tái bản năm 2005 của NXB Tổng hợp TPHCM. Nội dung 2 bản này hoàn toàn giống nhau.

Không có An Dương Vương thì giải thích như thế nào về thành Cổ Loa?

Khi đã có những cuốn sách này trong tay và nghiên cứu những vấn đề liên quan, Giáo sư có ý kiến như thế nào về những cái gọi là “phát hiện lịch sử chấn động” ở trên Báo Thanh niên?

Tôi thấy loạt bài của nhà báo Hoàng Hải Vân chỉ mới đưa ra một phần nhỏ trong các công trình nghiên cứu của Thiền sư Lê Mạnh Thát. Nói chung thì báo đã phản ánh đúng nội dung sách, nhưng các tư liệu và lập luận đưa ra chưa đầy đủ. Điều đó dễ hiểu, vì đây là một tờ báo ra hàng ngày, chứ không phải là một tạp chí chuyên ngành.

Thiền sư Lê Mạnh Thát là người mà đã gần như dành toàn bộ thời gian và công sức để đi sâu vào việc nghiên cứu lịch sử Phật giáo Việt Nam và theo tôi đó là một việc làm rất có ý nghĩa. Với những công trình nghiên cứu về các bộ kinh Phật, về lịch sử và văn học Phật giáo Việt Nam, Thiền sư là một người chuyên sâu nhất về lĩnh vực này và rất đáng trân trọng.

Tuy nhiên từ nghiên cứu Phật giáo chuyển sang nghiên cứu lịch sử dân tộc, thì có nhiều vấn đề cần phải bàn thêm. Đây là hai đối tượng nghiên cứu quan hệ rất mật thiết với nhau, nhưng không phải là một. Phật giáo đã sớm gắn bó với dân tộc và đồng hành cùng dân tộc suốt chiều dài lịch sử gần hai ngàn năm, và Phật giáo đã có những cống hiến rất lớn cho lịch sử dân tộc.

Tuy nhiên văn hóa Phật giáo là một dòng, một bộ phận của văn hóa dân tộc, chứ không thể coi là toàn bộ văn hóa dân tộc. Từ lĩnh vực nghiên cứu Phật giáo chuyển sang lĩnh vực nghiên cứu lịch sử dân tộc, Thiền sư Lê Mạnh Thát đã đặt ra những vấn đề rất lớn về lịch sử cổ đại Việt Nam, mà điều quan trọng là về mặt khoa học đã giải quyết như thế nào?

Tôi xin nói về mấy vấn đề lớn mà Báo Thanh niên đã nêu ra: khẳng định thời kỳ An Dương Vương là không có, không có cuộc xâm lược của Triệu Đà cũng như không có thời kỳ Bắc thuộc lần thứ nhất kể từ cuộc xâm lược của Triệu Đà cho đến cuộc khởi nghĩa của Hai Bà Trưng và vì thế cuộc khởi nghĩa này được coi là một cuộc kháng chiến... Như thế nước Văn Lang của các vua Hùng kéo dài cho đến năm 43 sau Công nguyên!?

Theo nghiên cứu của Thiền sư Lê Mạnh Thát, thời An Dương Vương và nước Âu Lạc hoàn toàn là “một phiên bản”, “một hư cấu” dựa theo sử thi Mahabharata của Ấn Độ, và các sử gia Việt Nam đã sai lầm trong quá trình chép sử, từ “Đại Việt sử lược” cho đến các công trình sau này.

Khẳng định không có Thục Phán, không có thời kỳ An Dương Vương, thì Thiền sư giải thích như thế nào về sự ghi chép tương đối thống nhất về sự tồn tại của An Dương Vương trong thư tịch Trung Quốc và Việt Nam? Tất nhiên, xung quanh vấn đề An Dương Vương và nước Âu Lạc có những vấn đề cần nghiên cứu và xác minh thêm như nguồn gốc của Thục Phán, niên đại của nước Âu Lạc...

Thiền sư phủ nhận tất cả những tư liệu trên mà không chứng minh được những bộ sử đó chép sai như thế nào. Đặc biệt luận điểm đó khó đứng vững trước một nguồn tư liệu mà theo tôi giữ vai trò quan trọng bậc nhất trong nghiên cứu cổ sử, đó là khảo cổ học. Tôi có cảm giác, Thiền sư đã bỏ qua, không khai thác và không cập nhật nguồn tư liệu khảo cổ học, nhất là những kết quả khai quật và nghiên cứu gần đây.

Xin Giáo sư nói rõ hơn về những vấn đề khảo cổ học liên quan đến triều đại An Dương Vương?

Trong mấy chục năm vừa qua, khảo cổ học Việt Nam đã có những kết quả rất quý giá, nhất là những di tích trong lòng đất, góp phần làm sáng rõ thêm tiến trình lịch sử dân tộc, nhất là thời tiền sử, sơ sử và cổ đại. Những di tích, những hiện vật khảo cổ học được xem là những bộ phận, là những mảnh của lịch sử còn lưu giữ được cho đến ngày hôm nay. Nó rất khách quan và rất trung thực.

Bằng những phương pháp khoa học, từ kết quả khai quật, các nhà khảo cổ học có thể xác định được niên đại tương đối và tuyệt đối của các di tích với những sai số chấp nhận được, có thể góp phần phục dựng trên một số phương diện nào đó diện mạo của nền văn hóa, cuộc sống của cư dân và một số công trình xây dựng đã sụp đổ...

Phủ nhận nước Âu Lạc và An Dương Vương thì tác giả giải thích như thế nào về thành Cổ Loa? Thiền sư cho rằng đó chỉ là tòa “Kiến thành” do Mã Viện xây mà trước đây đã từng có người đề xuất, nhưng những kết quả khảo cổ học gần đây đã cho phép xác định tòa thành này được xây dựng trước hết từ thời An Dương Vương rồi sau đó, được tiếp tục sử dụng và có thể có những bồi đắp nhất định.

Hơn nữa chúng ta còn tìm ra được ở Cổ Loa hàng vạn mũi tên đồng ba ngạnh được coi là “mũi tên đồng Cổ Loa”, rồi tìm thấy trống đồng, gần 100 lưỡi cày đồng cùng hàng loạt di vật của nền văn hóa Đông Sơn.

Các nhà khảo cổ học còn cắt một đoạn thành để nghiên cứu và khai quật một số hố trong khu Thành Nội gần đền thờ An Dương Vương. Tại đây đã phát hiện một hệ thống những lò nung và khuôn đúc mũi tên đồng gồm ba mang bằng đá rất khớp với “mũi tên đồng Cổ Loa”, khuôn đúc mũi giáo...

Đáng lưu ý nhất là An Dương Vương đã dùng một phần Thành Nội để sản xuất vũ khí, chứng tỏ đây là loại vũ khí cực kỳ quan trọng cần được bảo vệ chặt chẽ. Phát hiện khảo cổ học này hoàn toàn phù hợp với truyền thuyết dân gian coi là “nỏ thần” mà thư tịch cổ Trung Quốc cũng ghi chép là loại vũ khí lợi hại, một lần bắn diệt được hàng trăm, hàng vạn người mà chính Thiền sư cũng đã dẫn trong công trình nghiên cứu của mình.

Thiền sư giải thích như thế nào về một thành lũy đang tồn tại trên mặt đất và cả những di tích, di vật như vậy trong lòng đất. Rồi giải thích như thế nào về những đền thờ An Dương Vương ở Cổ Loa, ở Nghệ An... gắn liền với những truyền thuyết, những lễ hội dân gian nhằm tôn vinh người có công với dân, với nước.

Dĩ nhiên những kiến trúc đó xây dựng về sau nhưng không thể chỉ là sự bịa đặt, hư cấu mà phải xuất phát từ một cốt lõi lịch sử có thật của cuộc sống, của lịch sử dân tộc, có thể từ rất xa xưa!

Quá vội vàng khi đòi viết lại lịch sử dân tộc

Một vấn đề được rất nhiều người quan tâm là có cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng không? Với quan điểm của mình thì Thiền sư Lê Mạnh Thát không cho rằng đó là một cuộc khởi nghĩa. Cần phải giải thích như thế nào về vấn đề này, thưa Giáo sư?

Về cuộc khởi nghĩa Hai Bà Trưng, theo Thiền sư là cuộc kháng chiến chống ngoại xâm của một nước độc lập, chứ không phải là cuộc khởi nghĩa của một nước bị đô hộ. Trong khi đó, cả sử nước ta và sử Trung Quốc đều chép đó là cuộc “nổi dậy”, là cuộc “làm phản” chống chính quyền cai trị của nhà Hán. Chính Thiền sư Lê Mạnh

Thát đã dẫn ra khá đủ những tư liệu này nhưng rồi phủ nhận tất cả và đi đến kết luận như trên.

Đứng về phương diện khoa học, các nhà khoa học có quyền đưa ra những giả thuyết trong nghiên cứu khoa học. Những giả thuyết đó có những cấp độ khác nhau: có thể chỉ là mới các ý tưởng đặt ra để nghiên cứu và cũng có thể là những giả thuyết đã có một số cứ liệu nhất định, nhưng chưa đủ cơ sở để kết luận. Tuy nhiên, những vấn đề mà Thiền sư Lê Mạnh Thát đưa ra, không còn là giả thuyết nữa mà những kết luận đã khẳng định.

Từ đó đưa ra những yêu cầu phải loại bỏ thời kỳ này ra khỏi lịch sử dân tộc, thậm chí là phải viết lại lịch sử dân tộc thì thật quá vội vàng. Trong khoa học, mọi phát hiện có cơ sở khoa học đều phải được chấp nhận nếu những phát hiện đó là đúng, được chứng minh một cách vững chắc và bảo vệ được quan điểm đó trước các chất vấn, phản biện khoa học.

Trên tinh thần khoa học, dù phát hiện đó có đảo lộn quá trình lịch sử dân tộc như thế nào đi nữa, thì về mặt khách quan, chúng ta vẫn phải chấp nhận. Tuy nhiên, rất tiếc cái gọi là “những phát hiện lịch sử chấn động” mà Báo Thanh niên nêu ra, trên thực tế chỉ mới dừng lại ở mức giả thuyết và đề xuất mà thôi. Không có đủ cơ sở khoa học để chứng minh được những vấn đề đó.

Từ vài dẫn chứng trên, tôi nghĩ rằng, một số kết luận của Thiền sư Lê Mạnh Thát là chưa đủ chứng cứ khoa học, chưa đủ sức thuyết phục. Ở đây, có vấn đề khai thác và sử dụng tư liệu, có vấn đề phương pháp luận sử học chưa được sử dụng một cách nghiêm túc.

Trong loạt bài trên Báo Thanh niên, Thiền sư Lê Mạnh Thát đã nói nhiều về nền văn minh Hùng Vương với tư cách là một thể chế nhà nước đầy đủ có chữ viết, một bộ luật... Đó là một sự đề cao tinh thần dân tộc rất lớn, thừa Giáo sư.

Đọc các công trình nghiên cứu của Thiền sư Lê Mạnh Thát và qua những bài báo đó, chúng ta thấy Thiền sư có một tinh thần dân tộc rất cao. Thiền sư muốn đề cao tính dân tộc và văn hóa Việt Nam, nhất là thời kỳ Hùng Vương. Đó là thiện chí của Thiền sư mà chúng ta cần trân trọng. Nhưng đối với khoa học không thể dừng lại ở thiện chí, mà mọi kết luận cần phải chứng minh một cách khách quan trên cơ sở những nguồn sử liệu được khai thác toàn diện và so sánh, đối chiếu nghiêm túc.

Thiền sư khẳng định là từ thời Hùng Vương ta đã có chữ viết phát triển đến trình độ cao, khá hoàn chỉnh, có thể biên soạn luật thành văn, có thể viết bộ “Lục độ Tập

kinh"... Rất tiếc là những khẳng định đó lại dựa trên những căn cứ chưa đủ sức thuyết phục.

Ví dụ lời tâu của Mã Viện nói luật Việt có 10 điều khác luật Hán, nhưng chưa có gì chắc chắn để coi đó là luật thành văn hay chỉ là luật tục. Bản chữ Hán "Lục độ tập kinh" do Khương Tăng Hội dịch trong thời gian ở Kiến Nghiệp còn đó và một số từ mang cấu trúc ngữ pháp Việt, không phải Hán là một phát hiện lý thú của Thiền sư nhưng từ đó khẳng định là phải dịch trên một văn bản chữ Việt thì còn quá vội.

Vấn đề chữ viết của người Việt thời Hùng Vương là một đề tài đã được nhiều nhà khoa học quan tâm và có người đã dành nhiều công sức tìm kiếm nhưng cho đến hôm nay vẫn còn là vấn đề chưa có đủ cơ sở để kết luận. Có người dựa theo một gợi ý của tác giả sách "Thanh Hóa quan phong" chép rằng chữ Việt cổ gần như chữ Thái ở miền núi xứ Thanh, đi tìm những hình khắc tương tự trên một số đồ đồng Đông Sơn.

Có người sưu tầm những hình khắc trên đồ đồng Đông Sơn ở nước ta và cả vùng Nam Trung Quốc trên địa bàn Bách Việt xưa, đã phát hiện một số hình khắc có thể là ký hiệu chữ viết... Nhưng chỉ mới là những tìm tòi ban đầu, chưa tập hợp đủ những chứng cứ để đưa ra hệ thống ký tự của chữ viết, chưa nói đến việc giải mã hệ thống đó.

Những phát hiện của Thiền sư có thể đóng góp phần nào vào quá trình nghiên cứu chữ viết của người Việt cổ, chưa thể coi là kết luận khoa học, tuy rằng trong thâm tâm ai cũng mong đợi điều đó sớm trở thành hiện thực.

Xin cảm ơn Giáo sư.

(Theo SGGP)

Nguồn: <http://vietbao.vn/Van-hoa/GS-Phan-Huy-Le-phan-de-Nhung-phat-hien-chan-dong-lich-su/65123850/181/>

Nam Phong tổng hợp

Ngày 06/07/2013